



Mã nhận dạng 01859

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CD_03**

Tổ Thi **001_DH19CD_03**

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi

TV302

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19153001	Trần Phước An	DH19CD			10	8	8.5	8.2	0012345678910	0123456789
2	19153002	Nguyễn Đức Anh	DH19CD			10	8	2	4.6	0012345678910	0123456789
3	19153003	Vũ Văn Cương	DH19CD			10	8	2	4.6	0012345678910	0123456789
4	19153008	Ngô Trung Đình	DH19CD			10	8	4.5	6.1	0012345678910	0123456789
5	17154022	Đình Nguyễn Đình	DH17OT			10	8	6.5	7.3	0012345678910	0123456789
6	19153011	Huỳnh Cao Duy	DH19CD			10	7	8	7.9	0012345678910	0123456789
7	19153012	Lê Công Tiến	DH19CD			10	8.5	7	7.8	0012345678910	0123456789
8	19153013	Nguyễn Võ Anh	DH19CD			10	8	7	7.6	0012345678910	0123456789
9	19153014	Phạm Đình	DH19CD			10	7	7	7.3	0012345678910	0123456789
10	19153015	Phan Nguyễn Minh	DH19CD			10	8.5	9	9.0	0012345678910	0123456789
11	19153010	Nguyễn Ngọc	DH19CD			10	8	6	7.0	0012345678910	0123456789
12	19153007	Trương Quốc Đạt	DH19CD			10	8	8	8.2	0012345678910	0123456789
13	19153004	Nguyễn Hải	DH19CD			10	7	0.5	3.4	0012345678910	0123456789
14	19153006	Võ Quan	DH19CD			10	8.5	7.5	8.1	0012345678910	0123456789
15	19153016	Mai Xuân	DH19CD			10	7	7.5	7.6	0012345678910	0123456789
16	19153017	Nguyễn Thanh	DH19CD			10	8	4	5.8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01859

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CD_03**

Tổ Thi **001_DH19CD_03**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV302**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19153019	Bùi Anh	Hiếu	DH19CD	Hiếu	5	8	3	4.4	0012345678910	0123456789
18	19153020	Nguyễn Ngọc	Hiếu	DH19CD	Ng	10	8	5	6.4	0012345678910	0123456789
19	18153021	Nguyễn Trung	Hiếu	DH18CD	zw	10	9	6	7.3	0012345678910	0123456789
20	19153021	Lê Phước	Hoài	DH19CD	Huoi	5	8	0	2.9	0012345678910	0123456789
21	19153025	Lương Quang	Huy	DH19CD	Huy	10	7	2	4.3	0012345678910	0123456789
22	19153026	Trần Quốc	Huy	DH19CD	Phuy	10	8	5.5	6.7	0012345678910	0123456789
23	19118084	Trần Trọng	Hữu	DH19CC	Tru	10	8	9.5	9.1	0012345678910	0123456789
24	19153029	Hoàng Cao	Khải	DH19CD	Kh	10	7	0	3.1	0012345678910	0123456789
25	19153030	Nguyễn Duy	Khang	DH19CD	K	10	9	3	5.5	0012345678910	0123456789
26	19153033	Mai Đăng	Khoa	DH19CD	Khoa	10	8	4	5.8	0012345678910	0123456789
27	19153034	Chu Trương Đăng	Khôi	DH19CD	Ch	10	8	0	3.4	0012345678910	0123456789
28	19153035	Lê Quang	Kiên	DH19CD	L	10	8	4.5	6.1	0012345678910	0123456789
29	19153036	Trần Anh	Kiệt	DH19CD	Kiệt	10	7	6.5	7.0	0012345678910	0123456789
30	19153037	Đinh Văn Quyền	Linh	DH19CD	Đinh	10	7	4.5	5.8	0012345678910	0123456789
31	19153041	Đặng Sơn	Minh	DH19CD	M	10	8	6.5	7.3	0012345678910	0123456789
32	19153043	Lê Tấn Thương	Minh	DH19CD	Th	10	8	2.5	4.9	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 01859

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CD_03**

Tổ Thi **001_DH19CD_03**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV302**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118145	Nguyễn Văn Minh	DH19CC			10	8	7	7.6	0012345678910	0123456789
34	19118148	Huỳnh Hoài Nam	DH19CK			10	8	3	5.2	0012345678910	0123456789
35	19153044	Trần Văn Nam	DH19CD			10	8	6.5	7.0	0012345678910	0123456789
36	19153045	Bùi Hoàng Phước Nghĩa	DH19CD							0012345678910	0123456789
37	19153048	Lý Thanh Nhân	DH19CD			10	7	4.5	5.8	0012345678910	0123456789
38	19153049	Võ Văn Nhất	DH19CD			10	7	4	5.5	0012345678910	0123456789
39	19153052	Đỗ Văn Tình Nhỏ	DH19CD			10	7	5.5	6.4	0012345678910	0123456789
40	19153053	Nguyễn Vương Nhứt	DH19CD			10	8	0.5	3.7	0012345678910	0123456789
41	19153056	Lê Văn Phong	DH19CD			10	7	3	4.9	0012345678910	0123456789
42	19153057	Nguyễn Duy Phong	DH19CD			10	8	4.5	6.1	0012345678910	0123456789
43	19153058	Cao Thành Phú	DH19CD			10	8	6.5	7.3	0012345678910	0123456789
44	19153061	Nguyễn Hồng Phúc	DH19CD			10	8	2	4.6	0012345678910	0123456789
45	19153062	Trần Nguyên Anh Phương	DH19CD			10	8	7	7.6	0012345678910	0123456789
46	19153063	Lăng Hồng Quân	DH19CD			10	8	6	7.0	0012345678910	0123456789
47	19153064	Lê Hữu Quý	DH19CD			10	7	3.5	5.2	0012345678910	0123456789
48	19153065	Lê Văn Quý	DH19CD			10	8	9.5	9.1	0012345678910	0123456789

5.2
Thạch



Mã nhận dạng 01859

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CD_03**

Tổ Thi **001_DH19CD_03**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV302**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19153066	Nguyễn Trần Sang	DH19CD			10	8	0,5	3,7	00012345678910	0123456789
50	17118092	Lê Văn Sơn	DH17CK			10	8	6,5	7,3	00012345678910	0123456789
51	18138075	Nguyễn Thanh Sơn	DH18TD			10	8	8	8,2	00012345678910	0123456789
52	19153070	Trương Văn Thái	DH19CD			10	8	4,5	6,1	00012345678910	0123456789
53	19153072	Hồ Chí Thanh	DH19CD			10	8	7,5	7,9	00012345678910	0123456789
54	19153073	Nguyễn Tuấn Thanh	DH19CD			10	7	6	6,7	00012345678910	0123456789
55	19153074	Đào Minh Thành	DH19CD			10	7	3	4,9	00012345678910	0123456789
56	19153075	Nguyễn Tấn Thành	DH19CD			10	7	7	7,3	00012345678910	0123456789
57	19153071	Nguyễn Cao Thắng	DH19CD			10	7	7	7,3	00012345678910	0123456789
58	19153077	Nguyễn Gia Thịnh	DH19CD			10	7	0,5	3,4	00012345678910	0123456789
59	19153078	Nguyễn Hưng Thịnh	DH19CD			10	8	6	7,0	00012345678910	0123456789
60	19138075	Trần Công Thịnh	DH19TD			10	8	8	8,2	00012345678910	0123456789
61	19153079	Hoàng Thông	DH19CD			10	8,5	4,5	6,3	00012345678910	0123456789
62	19153080	Kiều Thuy	DH19CD			10	7	1,5	4,0	00012345678910	0123456789
63	19153081	Bùi Quang Tiến	DH19CD			10	8	8	8,2	00012345678910	0123456789
64	19153082	Nguyễn Công Quyết	DH19CD			10	8	4	5,8	00012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 01859

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH19CD_03**

Tổ Thi **001_DH19CD_03**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV302**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	19153083	Giáp Trung Tín	DH19CD			10	7	3,5	5,2	0012345678910	0123456789
66	19153086	Tạ Thị Ngọc	DH19CD			10	8	9	8,8	0012345678910	0123456789
67	17118123	Huỳnh Hữu Trọng	DH17CC			10	6,5	10	9,0	0012345678910	0123456789
68	19153087	Đặng Nguyễn Thành	DH19CD			10	8	6	7,0	0012345678910	0123456789
69	19153088	Nguyễn Công Trường	DH19CD			10	8	4	5,8	0012345678910	0123456789
70	19153089	Phạm Lê Tấn Trường	DH19CD			10	8	6	7,0	0012345678910	0123456789
71	19153090	Mai Lê Tú	DH19CD			5	7	0,5	2,9	0012345678910	0123456789
72	18118171	Đặng Minh Tuấn	DH18CC			10	8	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
73	18118180	Trần Văn Tuyên	DH18CC			10	5	6	6,1	0012345678910	0123456789
74	19153093	Trần Ngọc Vui	DH19CD			10	8,5	4	6,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 73 Số sinh viên vắng 01

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 11/12/2020

CBCT3

TS. Trương Công Tiến

Nguyễn Võ Ngọc Thạch



Mã nhận dạng 01860

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CK_04**

Tổ Thi **001_DH19CK_04**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV101**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118004	Nguyễn Xuân Anh	DH19CK							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	19118006	Nguyễn Thành Băng	DH19CK	<i>Thuc</i>		10	8	4	5.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	19118007	Dương Gia Bảo	DH19CK	<i>Ja</i>		10	7	5	6.1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	19118010	Lê Thái Thiên Bảo	DH19CK	<i>h</i>		10	7	6	6.7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	19118011	Ngô Quốc Bảo	DH19CK	<i>Bao</i>		10	7	7.5	7.6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	19118019	Lê Minh Chiến	DH19CK	<i>OK</i>		10	9	3	5.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	19118022	Đặng Mai Chung	DH19CK	<i>chung</i>		10	8	8	8.2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	19118025	Diệp Kiến Cường	DH19CK	<i>Cuong</i>		10	9	8	8.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	19118030	Chế Nguyễn Văn Danh	DH19CK	<i>Danh</i>		7	9	6	7.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	19118031	Trần Đức Danh	DH19CK	<i>Danh</i>		10	8	7	7.6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	19118052	Văn Thành Duy	DH19CK	<i>Pho</i>		10	7	10	9.1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	19118029	Nguyễn Hữu Đăng	DH19CK	<i>Phu</i>		10	9	9.5	9.4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	19118040	Lê Văn Đô	DH19CK	<i>Le do</i>		7	8	2.5	4.6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	19118042	Trần Hữu Đức	DH19CK	<i>Phu</i>		10	7	3	4.9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	19118064	Ngô Thành Hiệp	DH19CK	<i>h</i>		7	7	3.5	4.9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	17115143	Nguyễn Công Hiếu	DH17GB	<i>Phu</i>		10	8	4	5.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Mã nhận dạng 01860

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH19CK_04**

Tổ Thi **001_DH19CK_04**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV101**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118070	Nguyễn Văn Hoan	DH19CK							0012345678910	0123456789
18	19118076	Nguyễn Việt	DH19CK			10	7	5	6.1	0012345678910	0123456789
19	19118088	Hà Quang	DH19CK			10	8	3.5	5.5	0012345678910	0123456789
20	19118093	Nguyễn Minh	DH19CK			10	7	3	4.9	0012345678910	0123456789
21	19118098	Trần Quốc	DH19CK			10	8	4.5	6.1	0012345678910	0123456789
22	19118081	Ngô Trung	DH19CK			10	8.5	5.5	6.9	0012345678910	0123456789
23	19118083	Nguyễn Duy	DH19CK			10	8	4	5.8	0012345678910	0123456789
24	19118111	Đặng Hoàng	DH19CK			10	7	8.5	8.2	0012345678910	0123456789
25	19118112	Ngô Tấn	DH19CK			10	7	8.5	8.2	0012345678910	0123456789
26	19118113	Nguyễn Duy	DH19CK			10	7	7	7.3	0012345678910	0123456789
27	19118118	Nguyễn Tùng	DH19CK			10	9	7	7.9	0012345678910	0123456789
28	19118121	Nguyễn Cảnh	DH19CK			10	9	10	9.7	0012345678910	0123456789
29	19118123	Nguyễn Như	DH19CK			10	7	2.5	4.6	0012345678910	0123456789
30	19118127	Nguyễn Bình	DH19CK			10	7	2.5	4.6	0012345678910	0123456789
31	19118128	Trần Thanh	DH19CK			10	8.5	7	7.8	0012345678910	0123456789
32	19118129	Nguyễn Bá	DH19CK			10	8	9	8.8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01860

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CK_04**

Tổ Thi **001_DH19CK_04**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV101**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118137	Bùi Duy Lũy	DH19CK			10	7	3	4.9	0012345678910	0123456789
34	19118144	Lê Trần Nhật Minh	DH19CK			10	8	8.5	8.5	0012345678910	0123456789
35	19118147	Hoàng Phương Nam	DH19CK			10	8	3.5	5.5	0012345678910	0123456789
36	19118149	Lâm Nhật Nam	DH19CK			10	8	0.5	3.7	0012345678910	0123456789
37	19118151	Trần Duy Nhật Nam	DH19CK			10	8	1	4.0	0012345678910	0123456789
38	19118153	Nguyễn Minh Nghĩa	DH19CK							0012345678910	0123456789
39	19118158	Lê Hoàng Minh Ngọc	DH19CK			10	8	2	4.6	0012345678910	0123456789
40	19118167	Phạm Thế Nhật	DH19CK			10	8	5.5	6.7	0012345678910	0123456789
41	19118168	Thân Văn Nhó	DH19CK			10	8	0.5	3.7	0012345678910	0123456789
42	19118171	Trần Trường Phát	DH19CK			10	8	3	5.2	0012345678910	0123456789
43	19118183	Phạm Công Phương	DH19CK			10	7	7	7.3	0012345678910	0123456789
44	19118184	Phạm Minh Phương	DH19CK			10	7	7	7.3	0012345678910	0123456789
45	19118189	Lê Vinh Quang	DH19CK			7	7	3.5	4.9	0012345678910	0123456789
46	19118187	Trương Quang Quân	DH19CK			10	7	4.5	5.8	0012345678910	0123456789
47	19118191	Trương Thanh Quý	DH19CK			10	8	10	9.4	0012345678910	0123456789
48	19115096	Trần Thị Lệ Quyên	DH19GN							0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01860

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CK_04**

Tổ Thi **001_DH19CK_04**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV101**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19118193	Huỳnh Văn Quyết	DH19CK			10	7	8	7.9	0012345678910	0123456789
50	17118089	Phạm Bùi Tấn Sang	DH17CC			7	8	7.5	7.6	0012345678910	0123456789
51	19118214	Lê Ngọc Thanh	DH19CK			10	7	5.5	6.4	0012345678910	0123456789
52	19118216	Nguyễn Tiến Thành	DH19CK			10	8	2.5	4.9	0012345678910	0123456789
53	19118209	Nguyễn Thanh Thắng	DH19CC			10	7	5	6.1	0012345678910	0123456789
54	19118212	Trần Quốc Thắng	DH19CK			10	9	4.5	6.4	0012345678910	0123456789
55	19118232	Ngô Kế Minh Thuận	DH19CK			10	7	3	4.9	0012345678910	0123456789
56	19118242	Phan Đặng Hoài Tinh	DH19CK			10	7	3.5	5.2	0012345678910	0123456789
57	19118252	Nguyễn Trần Minh Trí	DH19CK			10	8	1.5	4.3	0012345678910	0123456789
58	19118257	Trương Minh Trung	DH19CK			10	7	5.5	6.4	0012345678910	0123456789
59	19118259	Nguyễn Đức Trường	DH19CK			10	7	5.5	6.4	0012345678910	0123456789
60	19118264	Cao Linh Tuấn	DH19CK			7	7	3.5	4.9	0012345678910	0123456789
61	19118271	Phạm Bá Tường	DH19CK			10	8	4	5.8	0012345678910	0123456789
62	19118272	Nguyễn Quốc Vi	DH19CK			10	9	7	7.9	0012345678910	0123456789
63	19118274	Tăng Quốc Việt	DH19CK			10	7	5.5	6.4	0012345678910	0123456789
64	19118276	Phạm Thái Bảo Vinh	DH19CK			10	7	0.5	3.4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01860

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH19CK_04**

Tổ Thi **001_DH19CK_04**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV101**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	19118282	Nguyễn Quốc Vương	DH19CK			10	8.5	6.5	7.5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
66	17118145	Trần Văn Thanh Xuân	DH17CC			8	8	6.5	7.0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Trần Văn Tuấn

Cao Đức Lợi

TS. Trương Công Tiến

Nguyễn Võ Ngọc Thạch



Mã nhận dạng 01861

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19TD_05**

Tổ Thi **001_DH19TD_05**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV201B**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19138001	Võ Hoà An	DH19TD			10	9	7.5	8.2	0012345678910	0123456789
2	19138003	Nguyễn Thanh Ban	DH19TD			10	8	7.5	7.9	0012345678910	0123456789
3	19138005	Lê Thái Hoàng An	DH19TD			10	8.5	7	7.8	0012345678910	0123456789
4	19138006	Lê Mạnh Cường	DH19TD			10	8	6.5	7.3	0012345678910	0123456789
5	19138007	Trần Mạnh Cường	DH19TD			5	9	3	5.0	0012345678910	0123456789
6	19138015	Lê Đình Duy	DH19TD			10	8	2.5	4.9	0012345678910	0123456789
7	19138016	Nguyễn Thị Thuỷ	DH19TD			10	8.5	7	7.8	0012345678910	0123456789
8	19138009	Hà Lê Quang Đạt	DH19TD			10	8.5	4.5	6.3	0012345678910	0123456789
9	19138012	Huỳnh Minh Đoàn	DH19TD			10	8	1.5	4.3	0012345678910	0123456789
10	19138013	Võ Anh Đức	DH19TD			10	9	10	9.7	0012345678910	0123456789
11	19138017	Trần Chí Hải	DH19TD			10	8	7	7.6	0012345678910	0123456789
12	19138018	Lê Minh Hậu	DH19TD			10	8.5	6.5	7.5	0012345678910	0123456789
13	19138019	Phạm Thị Hiền	DH19TD			10	8	8	8.2	0012345678910	0123456789
14	19138020	Đinh Văn Hiền	DH19TD			10	8.5	4.5	6.3	0012345678910	0123456789
15	17154028	Phạm Từ Hùng	DH17OT			5	7	0	2.6	0012345678910	0123456789
16	19118072	Lăng Ngọc Hoàng	DH19CK			10	8	5.5	6.7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01861

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH19TD_05**

Tổ Thi **001_DH19TD_05**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV201B**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19138022	Nguyễn Minh Hoàng	DH19TD			10	8,5	1,5	4,5	0012345678910	0123456789
18	19138023	Nguyễn Minh Hoàng	DH19TD			10	8	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
19	19138024	Võ Ngọc Hò	DH19TD			10	8,5	4	6,0	0012345678910	0123456789
20	19138025	Hoàng Phi Hùng	DH19TD			10	8	5,5	6,7	0012345678910	0123456789
21	19138027	Bùi Huỳnh Song	DH19TD			10	8,5	2	4,8	0012345678910	0123456789
22	19138028	Nguyễn Văn Huy	DH19TD			5	8	6	6,5	0012345678910	0123456789
23	19138026	Nguyễn Viết Hưng	DH19TD			10	8,5	5,5	6,9	0012345678910	0123456789
24	17118047	Nguyễn Hữu Khang	DH17CK			10	6,5	4	5,4	0012345678910	0123456789
25	19138032	Nguyễn Đình Khang	DH19TD			10	8	3	5,2	0012345678910	0123456789
26	19138034	Nguyễn Lê Hữu Khang	DH19TD			10	8,5	4,5	6,3	0012345678910	0123456789
27	19138036	Lê Duy Khánh	DH19TD			5	8,5	0,5	3,4	0012345678910	0123456789
28	17154042	Nguyễn Quốc Khánh	DH17OT			10	8	4,5	6,1	0012345678910	0123456789
29	19138037	Phạm PhúC Khiêm	DH19TD			10	8,5	1,5	4,5	0012345678910	0123456789
30	19138038	Bùi Đăng Khoa	DH19TD			10	9	9,5	9,4	0012345678910	0123456789
31	19138040	Nguyễn Ngọc Khoa	DH19TD							0012345678910	0123456789
32	19138041	Nguyễn Trung Kiên	DH19TD			10	8,5	0	3,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01861

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19TD_05**

Tổ Thi **001_DH19TD_05**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV201B**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19138042	Nguyễn Cao KỲ	DH19TD			10	9	4.5	6.4	0012345678910	0123456789
34	19138044	Đặng Thành Long	DH19TD			10	9	4.5	6.4	0012345678910	0123456789
35	19138043	Lê Tiến Lợi	DH19TD			10	8	9.5	9.1	0012345678910	0123456789
36	19138045	Bùi Văn Hữu Luân	DH19TD			10	8	9	8.8	0012345678910	0123456789
37	19138046	Võ Văn Minh	DH19TD			10	9.5	3	5.7	0012345678910	0123456789
38	19138048	Nguyễn Cà Na	DH19TD			5	8.5	7	7.3	0012345678910	0123456789
39	19138050	Huỳnh Phạm Chánh Nghĩa	DH19TD			10	8	1	4.0	0012345678910	0123456789
40	19138051	Nguyễn Trọng Nghĩa	DH19TD			10	9.5	5	6.9	0012345678910	0123456789
41	19138052	Đặng Nghĩa Nhân	DH19TD			10	9	4.5	6.4	0012345678910	0123456789
42	19138054	Đoàn Lê Quang Nhật	DH19TD			10	8	3.5	5.5	0012345678910	0123456789
43	19138055	Trần Đình Nhơn	DH19TD			10	9.5	6.5	7.8	0012345678910	0123456789
44	19138057	Trần Minh Nhựt	DH19TD							0012345678910	0123456789
45	19138058	Phạm Nguyễn Anh Pha	DH19TD			10	8	9	8.8	0012345678910	0123456789
46	19138059	Nguyễn Thành Ph Âm	DH19TD			10	8	0	3.4	0012345678910	0123456789
47	19138060	Nguyễn Bảo Phi	DH19TD			10	9.5	8	8.7	0012345678910	0123456789
48	19138062	Nguyễn Quốc Phú	DH19TD			10	8	3.5	5.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01861

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH19TD_05**

Tổ Thi **001_DH19TD_05**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV201B**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19138064	Vũ Đức Phương	DH19TD			10	10	2	5.2	0012345678910	0123456789
50	19138065	Lê Đăng Quang	DH19TD			10	10	5	7.0	0012345678910	0123456789
51	19138066	Mai Văn QuYến	DH19TD			10	8	10	9.4	0012345678910	0123456789
52	19138067	Võ Thiện Sang	DH19TD			10	7	4	5.5	0012345678910	0123456789
53	19138068	Lê Bá Nam Sơn	DH19TD			10	8	3	5.2	0012345678910	0123456789
54	19138070	Nguyễn Chí Tâm	DH19TD			10	9	5	6.7	0012345678910	0123456789
55	19138071	Nguyễn Bá Thái	DH19TD			10	9	5.5	7.0	0012345678910	0123456789
56	19138072	Trần Hoàng Thái	DH19TD			10	9	8	8.5	0012345678910	0123456789
57	19138073	Đỗ Quang Thành	DH19TD			10	8	7	7.6	0012345678910	0123456789
58	19138074	Nguyễn Tuấn Thành	DH19TD			10	10	7	8.2	0012345678910	0123456789
59	19138076	Hồ Thị Hà Thư	DH19TD			10	8	6	7.0	0012345678910	0123456789
60	19138077	Dương Văn Tiến	DH19TD			10	9.5	4.5	6.6	0012345678910	0123456789
61	19138078	Nguyễn Văn Tiến	DH19TD			10	8	1.5	4.3	0012345678910	0123456789
62	19118241	Trần Hữu Tín	DH19CK			10	8	7	7.6	0012345678910	0123456789
63	19138079	Cao Quốc Tĩnh	DH19TD			10	8	9	8.8	0012345678910	0123456789
64	19137075	Lê Thanh Toàn	DH19NL							0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01861

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19TD_05**

Tổ Thi **001_DH19TD_05**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV201B**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	19138081	Nguyễn Minh Toàn	DH19TD			10	8.5	4	6.0	0012345678910	0123456789
66	19138082	Quách Xuân Trà	DH19TD			10	10	7	8.2	0012345678910	0123456789
67	19138083	Nguyễn Thế Trân	DH19TD			10	8	5.5	6.7	0012345678910	0123456789
68	19138087	Nguyễn Trọng Trung	DH19TD			10	8	2	4.6	0012345678910	0123456789
69	18137047	Hồng Nguyễn Phi Trường	DH18NL			10	8	9.5	9.1	0012345678910	0123456789
70	19138088	Nguyễn Nhật Trường	DH19TD			10	9	3	5.5	0012345678910	0123456789
71	19138089	Đặng Minh Tuấn	DH19TD			10	8	8	8.2	0012345678910	0123456789
72	19132020	Đoàn Thế Vinh	DH19TD			10	7	1	3.7	0012345678910	0123456789
73	19138090	Nguyễn Gia Vinh	DH19TD							0012345678910	0123456789
74	19138091	Trương Thế Vinh	DH19TD			10	10	7.5	8.5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: ~~30~~ Số sinh viên vắng: 4.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Ngày in : 11/12/2020

Nguyễn Hữu Hòa

TS. Trương Công Tiến

Nguyễn Võ Ngọc Thạch



Mã nhận dạng 01857

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CC_06**

Tổ Thi **001_DH19CC_06**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV202**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19137002	Châu Thanh Hoàng Anh	DH19NL	Anh		10	7	4	5.5	0012345678910	0123456789
2	19118003	Nguyễn Văn Anh	DH19CC	Anh		10	8	6.5	7.3	0012345678910	0123456789
3	19118001	Dương Nguyễn Hoàng Ân	DH19CC	An		10	8	9	8.8	0012345678910	0123456789
4	19118005	Lương Thái Ban	DH19CC	Ban		10	8	3.5	5.5	0012345678910	0123456789
5	19118008	Lê Đình Bảo	DH19CC	Bao		10	8	2.5	4.9	0012345678910	0123456789
6	19118013	Nguyễn Tiểu Bảo	DH19CC	Bao		10	8	8	8.2	0012345678910	0123456789
7	19118016	Nguyễn Văn Ca	DH19CC	Ca		10	8.5	2.5	5.1	0012345678910	0123456789
8	19118017	Đỗ Tấn Cảnh	DH19CC	Canh		10	8.5	1	4.2	0012345678910	0123456789
9	19137006	Lê Ngô Chí	DH19NL	Chi		10	7	5	6.1	0012345678910	0123456789
10	19137007	Nguyễn Vương Chiến	DH19NL	Chien		10	8	5	6.4	0012345678910	0123456789
11	19137009	Huỳnh Tấn Cường	DH19NL	Cuong		10	7	6	6.7	0012345678910	0123456789
12	19137011	Nguyễn Long Cường	DH19NL	Cuong		10	8.5	7	7.8	0012345678910	0123456789
13	19118043	Huỳnh Quốc Dũng	DH19CC	Dung		5	8	2.5	4.4	0012345678910	0123456789
14	19118046	Nguyễn Văn Dương	DH19CC	Duong		10	8	5.5	6.7	0012345678910	0123456789
15	19137013	Hồ Dương Tuấn Đạt	DH19NL	Dat		10	8	7	7.6	0012345678910	0123456789
16	19118033	Lê Tiến Đạt	DH19CC	Dat		10	8	3.5	5.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01857

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CC_06**

Tổ Thi **001_DH19CC_06**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV202**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118036	Nguyễn Thành Đạt	DH19CC			10	8.5	5	6.6	0012345678910	0123456789
18	19118039	Bùi Ngọc Điệp	DH19CC			10	8	7	7.6	0012345678910	0123456789
19	19118055	Lê Tấn Hải	DH19CC			10	9	8	8.5	0012345678910	0123456789
20	19118057	Huỳnh Gia Hào	DH19CC			10	8	1	4.0	0012345678910	0123456789
21	19118059	Nguyễn Chí Hào	DH19CC			10	8	2	4.6	0012345678910	0123456789
22	19118060	Dương Trung Hậu	DH19CC			10	8	9	8.8	0012345678910	0123456789
23	19118061	Lê Lý Hậu	DH19CC			10	8	5.5	6.7	0012345678910	0123456789
24	19118077	Phạm Văn Hoàng	DH19CC							0012345678910	0123456789
25	19137025	Nguyễn Minh Huy	DH19NL			10	8.5	8.5	5.8	0012345678910	0123456789
26	19118094	Nguyễn Nam Huy	DH19CC			10	8	4	5.8	0012345678910	0123456789
27	19137027	Nguyễn Trần Gia Huy	DH19NL			5	8	3	4.7	0012345678910	0123456789
28	19137029	Trần Văn Huy	DH19NL			10	8.5	4.5	6.3	0012345678910	0123456789
29	19137023	Ngô Trần Hưng	DH19NL			10	7	4	5.5	0012345678910	0123456789
30	19118116	Lâm Văn La	DH19CC			10	8	4.5	6.1	0012345678910	0123456789
31	19118117	Nguyễn Trường Lâm	DH19CC			10	8	3.5	5.5	0012345678910	0123456789
32	19118133	Trần Hữu Khánh Luân	DH19CC			10	8	8.5	8.5	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 01857

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH19CC_06**

Tổ Thi **001_DH19CC_06**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

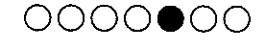
Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV202**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118134	Lý Kim Luân	DH19CC	Luân		10	8	5	6.4	0012345678910	0123456789
34	19118135	Trần Hữu Luân	DH19CC	Luân		10	8	0	3.4	0012345678910	0123456789
35	19137042	Bùi Thị Yến Mi	DH19NL	Mi		10	8.5	7.5	8.1	0012345678910	0123456789
36	19118146	Thạch Minh	DH19CC	Minh		10	8	5	6.4	0012345678910	0123456789
37	19137043	Phạm Nhật Nam	DH19NL	Nam		10	8	5.5	6.7	0012345678910	0123456789
38	19118160	Trần Bá Nguyễn	DH19CC	Bá		10	8	3.5	5.5	0012345678910	0123456789
39	19118170	Nguyễn Hoàng Ninh	DH19CC	Ninh		10	8	7.5	7.9	0012345678910	0123456789
40	19118177	Nguyễn Trường Phong	DH19CC	Phong		10	8.5	3	5.4	0012345678910	0123456789
41	19118188	Bùi Nguyễn Quang	DH19CC	Quang		10	8	8.5	8.5	0012345678910	0123456789
42	19118185	Nguyễn Hoàng Quân	DH19CC	Quân		10	8	3.5	5.5	0012345678910	0123456789
43	19137054	Huỳnh Thị Ngọc Quý	DH19NL	Quý		10	8.5	6	7.2	0012345678910	0123456789
44	19137055	Nguyễn Thị Yến Quyên	DH19NL	Quyên		10	8	6	7.0	0012345678910	0123456789
45	19118195	Phạm Thành Sang	DH19CC	Sang		10	8	3.5	5.2	0012345678910	0123456789
46	19137057	Thái Đức Sơn	DH19NL	Sơn		10	8.5	0	3.6	0012345678910	0123456789
47	19118201	Nguyễn Tuấn Tài	DH19CC	Tài		10	8	6	7.0	0012345678910	0123456789
48	19118202	Nguyễn Minh Tâm	DH19CC	Tâm		5	8	5	5.9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01857

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH19CC_06**

Tổ Thi **001_DH19CC_06**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

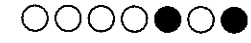
Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV202**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19137061	Lương Ngọc Tân	DH19NL			10	8.5	5.5	6.9	0012345678910	0123456789
50	19153068	Huỳnh Văn Tấn	DH19CD			10	8	6.5	7.0	0012345678910	0123456789
51	19118204	Phùng Quốc Tấn	DH19CC			10	8	5	6.4	0012345678910	0123456789
52	19137066	Châu Văn Thanh	DH19NL			10	8.5	1	4.2	0012345678910	0123456789
53	19118215	Trần Ngọc Thanh	DH19CC			10	8.5	0	3.6	0012345678910	0123456789
54	19118217	Phan Trung Thành	DH19CC							0012345678910	0123456789
55	19118211	Trần Danh Thắng	DH19CC			5	8	3	4.7	0012345678910	0123456789
56	19118224	Lâm Thanh Thiện	DH19CC			10	8	7.5	7.9	0012345678910	0123456789
57	19118235	Trần Thành Tiên	DH19CC			10	8.5	10	9.6	0012345678910	0123456789
58	19118238	Trần Minh Tiến	DH19CC			10	8	3	5.2	0012345678910	0123456789
59	19118243	Nguyễn Tấn Tịnh	DH19CC			10	8	7.5	7.9	0012345678910	0123456789
60	19118246	Nguyễn Văn Toàn	DH19CC			5	8	5	5.9	0012345678910	0123456789
61	19118254	Huỳnh Như Trọng	DH19CC			10	8	8	8.2	0012345678910	0123456789
62	19137077	Bùi Thành Trung	DH19NL			10	8.5	5.5	6.9	0012345678910	0123456789
63	19137079	Huỳnh Quốc Tuấn	DH19NL			10	8.5	10	9.6	0012345678910	0123456789
64	19118263	Võ Văn Tư	DH19CC			10	8	9	8.8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01857

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CC_06**

Tổ Thi **001_DH19CC_06**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV202**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	19118278	Phan Văn Vinh	DH19CC			10	8	2,5	4,9	0012345678910	0123456789
66	19118285	Phạm Huỳnh Phúc Yên	DH19CC			10	8,5	7,5	8,1	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 64 Số sinh viên vắng 22

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Lê Quang Thi

Nguyễn Hoàng Tâm

TS. Trương Công Tiến

Nguyễn Võ Ngọc Thạch



Mã nhận dạng 01858

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CC_07**

Tổ Thi **001_DH19CC_07**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD303**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118012	Nguyễn Ngọc Quốc Bảo	DH19CC			10	8	5	6.4	0012345678910	0123456789
2	19118020	Nguyễn Đoàn Công Chiến	DH19CC			10	9	6	7.3	0012345678910	0123456789
3	19118044	Trần Nhật Dũng	DH19CC			10	9	6	7.3	0012345678910	0123456789
4	19118049	Huỳnh Khánh Duy	DH19CC			10	8	3	5.2	0012345678910	0123456789
5	19118051	Phan Phúc Duy	DH19CC			10	8	2	4.6	0012345678910	0123456789
6	19118032	Trần Tiến Đạo	DH19CC			10	8.5	3.5	5.7	0012345678910	0123456789
7	19118037	Phạm Thế Đạt	DH19CC			10	9	4	6.1	0012345678910	0123456789
8	18138016	Nguyễn Long Ngọc Đình	DH18TD			10	6	6.5	6.7	0012345678910	0123456789
9	19118074	Ngô Minh Hoàng	DH19CC							0012345678910	0123456789
10	19118079	Trần Lê Phúc Hội	DH19CC			5	7	8	7.4	0012345678910	0123456789
11	19118085	Đặng Minh Huy	DH19CC			10	8	3	5.2	0012345678910	0123456789
12	19118087	Đỗ Quốc Huy	DH19CC			10	8	1	4.0	0012345678910	0123456789
13	19118095	Nguyễn Quang Huy	DH19CC			10	8	0	3.4	0012345678910	0123456789
14	19118082	Nguyễn Cao Hưng	DH19CC			10	8	0	3.4	0012345678910	0123456789
15	19118101	Lê Duy Kha	DH19CC			10	8.5	7.5	8.1	0012345678910	0123456789
16	19118102	Nguyễn Văn Khá	DH19CC			10	9	10	9.7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01858

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CC_07**

Tổ Thi **001_DH19CC_07**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD303**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 80%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118103	Mai Hoàng	KHải	DH19CC	<i>Khải</i>	10	8	7.5	7.9	0012345678910	0123456789
18	19118104	Nguyễn Chí	KHải	DH19CC	<i>Khải</i>	5	8	2	4.1	0012345678910	0123456789
19	19118105	Lý Nhât	Khang	DH19CC	<i>Ly</i>	10	9	6.5	7.6	0012345678910	0123456789
20	19118107	Phạm Vĩnh	Khang	DH19CC	<i>Phạm</i>	10	8	0.5	3.7	0012345678910	0123456789
21	18153035	Vũ Chúc	Khiêm	DH18CD	<i>Phu</i>	10	8	3.5	5.5	0012345678910	0123456789
22	19118110	Lâm Hào	Khôn	DH19CC	<i>Phu</i>	10	9	5	6.7	0012345678910	0123456789
23	19118115	Phù Thiết	Ki	DH19CC	<i>Phu</i>	5	8	1	3.5	0012345678910	0123456789
24	19118122	Đinh Kỳ	Linh	DH19CC	<i>Phu</i>	10	8.5	0.5	3.9	0012345678910	0123456789
25	19118125	Nguyễn Văn	Linh	DH19CC	<i>Phu</i>	10	8	6	7.0	0012345678910	0123456789
26	19118131	Lê Hoàng	Long	DH19CC	<i>Phu</i>	10	9	9.5	9.4	0012345678910	0123456789
27	19137041	Nguyễn Phúc	Lộc	DH19NL	<i>Phu</i>	5	9	2.5	4.7	0012345678910	0123456789
28	19118140	Nguyễn Hoàng	Mạnh	DH19CC	<i>Phu</i>	10	8	8	8.2	0012345678910	0123456789
29	19118139	Đinh Minh	Mẫn	DH19CC	<i>Phu</i>	10	9	3	5.5	0012345678910	0123456789
30	19118142	Đặng Nguyễn Nhật	Minh	DH19CK	<i>Phu</i>					0012345678910	0123456789
31	19118150	Nguyễn Hoài	Nam	DH19CC	<i>Phu</i>	10	8.5	1	4.2	0012345678910	0123456789
32	18118088	Lê Đại	Nghĩa	DH18CC	<i>Phu</i>	10	7	1.5	4.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01858

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Kỹ thuật điện(207109)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CC_07

Tổ Thi 001_DH19CC_07

Tên CBGD Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 15/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118154	Phạm Minh Nghĩa	DH19CC	<i>nghe</i>		10	8	1	4.0	0012345678910	0123456789
34	17118067	Lý Thái Nguyên	DH17CC	<i>nghe</i>		10	8	10	9.4	0012345678910	0123456789
35	19118161	Lê Dương Thiện Nhân	DH19CC	<i>nghe</i>		10	8	6	3.4	0012345678910	0123456789
36	19118162	Nguyễn Duy Trọng Nhân	DH19CC	<i>nghe</i>		10	8	3	5.2	0012345678910	0123456789
37	19118164	Trần Thanh Nhân	DH19CC	<i>nghe</i>		10	9	5.5	9.4	0012345678910	0123456789
38	17118073	Nguyễn Minh Nhựt	DH17CC	<i>nghe</i>		10	8	10	9.4	0012345678910	0123456789
39	18118104	Nguyễn Thanh Phi	DH18CK	<i>nghe</i>		10	8	7.5	7.9	0012345678910	0123456789
40	19118173	Bùi Trung Phong	DH19CC	<i>nghe</i>		10	9	0.5	4.0	0012345678910	0123456789
41	19118178	Phạm Hoàng Phong	DH19CC	<i>nghe</i>		10	8	3	5.2	0012345678910	0123456789
42	19118179	Nguyễn Lê Phú	DH19CC	<i>nghe</i>		5	8.5	5	6.1	0012345678910	0123456789
43	19118182	Lê Đình Phước	DH19CC	<i>nghe</i>		10	9	5	6.7	0012345678910	0123456789
44	18138071	Nguyễn Minh Quang	DH18TD	<i>nghe</i>		10	8.5	7.5	8.1	0012345678910	0123456789
45	19118186	Nguyễn Ngọc Quân	DH19CC	<i>nghe</i>		5	8	4	5.3	0012345678910	0123456789
46	17137058	Ngô Thành Quý	DH17NL	<i>nghe</i>		10	8	6.5	7.3	0012345678910	0123456789
47	19118213	Đặng Hồng Thanh	DH19CC	<i>nghe</i>		10	8	2.5	4.9	0012345678910	0123456789
48	18138083	Nguyễn Đức Thịnh	DH18TD	<i>nghe</i>						0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01858

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CC_07**

Tổ Thi **001_DH19CC_07**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD303**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 80%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19118230	Nguyễn Thị Anh	Thư	DH19CC		10	9	7.5	8.2	0012345678910	0123456789
50	19118236	Phạm Vũ Nhật	Tiến	DH19CC		10	9	9.5	9.4	0012345678910	0123456789
51	19118244	Nguyễn Phúc	ToAi	DH19CC		10	8	4	5.8	0012345678910	0123456789
52	19118247	Trương Hữu	Toán	DH19CC		10	8	0	3.4	0012345678910	0123456789
53	19118245	Nguyễn Văn	Toán	DH19CC		10	8	10	9.4	0012345678910	0123456789
54	19118251	Trần Thị Thiên	Trang	DH19CC		10	9	3	5.5	0012345678910	0123456789
55	19118250	Huỳnh Trần Bảo	Trần	DH19CC		10	8.5	4	6.0	0012345678910	0123456789
56	19118258	Vũ Đình	Trung	DH19CC		10	9	4	6.1	0012345678910	0123456789
57	19118260	Nguyễn Nhật	Trường	DH19CC		10	9	6.5	7.6	0012345678910	0123456789
58	19118262	Thái Văn	Trường	DH19CC		10	9	10	9.7	0012345678910	0123456789
59	19118269	Trần Nguyễn Đức	Tuấn	DH19CC		5	8.5	0	3.1	0012345678910	0123456789
60	19118279	Bùi Bá	Vũ	DH19CC		10	8	3	5.2	0012345678910	0123456789
61	19118280	Nguyễn Hoàng	Vũ	DH19CC		10	8	6.5	7.3	0012345678910	0123456789
62	19118284	Lâm Tuấn	Vỹ	DH19CC		10	9	5.5	7.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01858

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CC_07**

Tổ Thi **001_DH19CC_07**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD303**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 59 Số sinh viên vắng 0

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

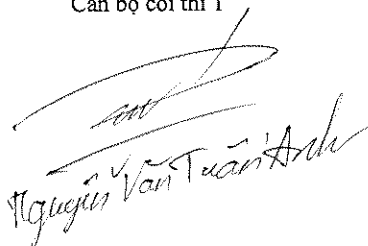
Cán bộ coi thi 1

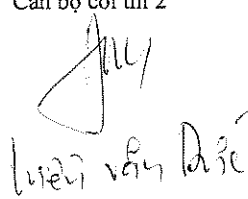
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

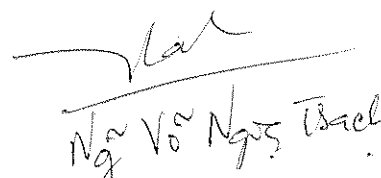
Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Nguyễn Văn Tuấn Anh


Nguyễn Văn Đức


TS. Trương Công Tiến


Nguyễn Võ Ngọc Thạch



Mã nhận dạng 01862

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CD_01**

Tổ Thi **001_DH19CD_01**

Tên CBGD **Trần Thị Kim Ngà**

Ngày Thi **11/01/2021**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **TV301**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19153001	Trần Phước An	DH19CD			7	8	4,5	5,8	0012345678910	0123456789
2	19153002	Nguyễn Đức Anh	DH19CD			0	8	2,5	3,9	0012345678910	0123456789
3	19153003	Vũ Văn Cương	DH19CD			8	8,5	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
4	18137007	Đào Chí Cường	DH18NL			7	7,5	6	6,6	0012345678910	0123456789
5	19153008	Ngô Trung Đình	DH19CD			7	8,5	2	4,5	0012345678910	0123456789
6	19153011	Huỳnh Cao Duy	DH19CD			7	8	2	4,3	0012345678910	0123456789
7	19153012	Lê Công Tiến Duy	DH19CD			7	8	2	4,3	0012345678910	0123456789
8	19153013	Nguyễn Võ Anh Duy	DH19CD			9	9	6,5	7,5	0012345678910	0123456789
9	19153014	Phạm Đình Duy	DH19CD			7	7,5	5	6,0	0012345678910	0123456789
10	19153015	Phan Nguyễn Minh Duy	DH19CD			8	8	3,5	5,3	0012345678910	0123456789
11	19153010	Nguyễn Ngọc Dương	DH19CD			8	8	10	9,2	0012345678910	0123456789
12	19153007	Trương Quốc Đạt	DH19CD			9	8,5	9,5	9,2	0012345678910	0123456789
13	19153004	Nguyễn Hải Đăng	DH19CD			7	8	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
14	19153006	Võ Quan Đăng	DH19CD			8	8	4	5,6	0012345678910	0123456789
15	19154035	Trần Hoàng Hà	DH19OT			7	8	4	5,5	0012345678910	0123456789
16	19153016	Mai Xuân Hải	DH19CD			7	8	2	4,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01862

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CD_01**

Tổ Thi **001_DH19CD_01**

Tên CBGD **Trần Thị Kim Nga**

Ngày Thi **11/01/2021**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **TV301**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19153017	Nguyễn Thanh Hải	DH19CD			7	8,5	0,5	3,6	0012345678910	0123456789
18	19153020	Nguyễn Ngọc Hiếu	DH19CD			8	8	3,5	5,3	0012345678910	0123456789
19	18153022	Nguyễn Văn Minh	DH18CD			0	8	1,5	3,3	0012345678910	0123456789
20	19153021	Lê Phước Hoài	DH19CD			7	8	3,5	5,2	0012345678910	0123456789
21	19153025	Lương Quang Huy	DH19CD			7	8	4	5,5	0012345678910	0123456789
22	19153026	Trần Quốc Huy	DH19CD			7	7	4	5,2	0012345678910	0123456789
23	19153029	Hoàng Cao Khải	DH19CD			8	7,5	2	4,3	0012345678910	0123456789
24	19153030	Nguyễn Duy Khang	DH19CD			7	7,5	2,5	4,5	0012345678910	0123456789
25	19153033	Mai Đăng Khoa	DH19CD			7	7,5	1,5	3,9	0012345678910	0123456789
26	19153034	Chu Trương Đăng Khôi	DH19CD			7	7,5	0,5	3,3	0012345678910	0123456789
27	19153035	Lê Quang Kiên	DH19CD			7	8,5	3	5,1	0012345678910	0123456789
28	19153036	Trần Anh Kiệt	DH19CD			7	8	2,5	4,6	0012345678910	0123456789
29	17118052	Bùi Thanh Lâm	DH17CK			9	7	2	4,2	0012345678910	0123456789
30	19153037	Đinh Văn Quyền	DH19CD			0	8	3	4,2	0012345678910	0123456789
31	17118058	Trần Ngọc Minh	DH17CK			9	6	4	5,1	0012345678910	0123456789
32	19153041	Đặng Sơn Minh	DH19CD			7	8	4,5	5,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01862

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CD_01**

Tổ Thi **001_DH19CD_01**

Tên CBGD **Trần Thị Kim Ngà**

Ngày Thi **11/01/2021**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **TV301**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19153043	Lê Tấn Thương Minh	DH19CD			7	8	4,5	5,8	0012345678910	0123456789
34	19153044	Trần Văn Nam	DH19CD			7	8	2	4,3	0012345678910	0123456789
35	19153045	Bùi Hoàng Phước Nghĩa	DH19CD							0012345678910	0123456789
36	19153048	Lý Thanh Nhân	DH19CD			7	8	4,5	5,8	0012345678910	0123456789
37	19153049	Võ Văn Nhất	DH19CD			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
38	19153052	Đỗ Văn Tinh Nhỏ	DH19CD			8	8	5	6,2	0012345678910	0123456789
39	18153050	Nguyễn Minh Nhựt	DH18CD			8	8,5	5,5	6,7	0012345678910	0123456789
40	19153053	Nguyễn Vương Nhựt	DH19CD			7	8	1	3,7	0012345678910	0123456789
41	19153056	Lê Văn Phong	DH19CD			7	8,5	1	3,9	0012345678910	0123456789
42	19153057	Nguyễn Duy Phong	DH19CD			7	8	3	4,9	0012345678910	0123456789
43	19153058	Cao Thành Phú	DH19CD			7	8	2	4,3	0012345678910	0123456789
44	19153061	Nguyễn Hồng Phúc	DH19CD			7	7	2	4,0	0012345678910	0123456789
45	19153062	Trần Nguyên Anh Phương	DH19CD			7	8,5	3,5	5,4	0012345678910	0123456789
46	19153063	Lăng Hồng Quân	DH19CD			7	9	3	5,2	0012345678910	0123456789
47	19153064	Lê Hữu Quý	DH19CD			7	9	3	5,2	0012345678910	0123456789
48	19153065	Lê Văn Quý	DH19CD			8	7,5	7,5	7,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01862

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH19CD_01**

Tổ Thi **001_DH19CD_01**

Tên CBGD **Trần Thị Kim Nga**

Ngày Thi **11/01/2021**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **TV301**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19153066	Nguyễn Trần Sang	DH19CD			9	9	3	5,4	0012345678910	0123456789
50	17118092	Lê Văn Sơn	DH17CK			8	6,5	3	4,6	0012345678910	0123456789
51	18138075	Nguyễn Thanh Sơn	DH18TD			7	7	6	6,4	0012345678910	0123456789
52	18118125	Nguyễn Minh Tân	DH18TD			9	7	4	5,4	0012345678910	0123456789
53	19153068	Huỳnh Văn Tấn	DH19CD			8	8	2	4,4	0012345678910	0123456789
54	19153070	Trương Văn Thái	DH19CD			9	8,5	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
55	19153073	Nguyễn Tuấn Thanh	DH19CD			7	8	5,5	6,4	0012345678910	0123456789
56	19153074	Đào Minh Thành	DH19CD			7	8	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
57	19153075	Nguyễn Tấn Thành	DH19CD			7	8	2,5	4,6	0012345678910	0123456789
58	19153077	Nguyễn Gia Thịnh	DH19CD			7	7,5	4	5,4	0012345678910	0123456789
59	19153078	Nguyễn Hưng Thịnh	DH19CD			7	8	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
60	19153079	Hoàng Thông	DH19CD			7	8	4	5,5	0012345678910	0123456789
61	19153080	Kiều Thuy	DH19CD			7	8	3	4,9	0012345678910	0123456789
62	19153081	Bùi Quang Tiến	DH19CD			7	8	1	3,7	0012345678910	0123456789
63	19153082	Nguyễn Công Quyết Tiến	DH19CD			7	8	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
64	19153083	Giáp Trung Tín	DH19CD			7	8	4	5,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01862

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH19CD_01**

Tổ Thi **001_DH19CD_01**

Tên CBGD **Trần Thị Kim Nga**

Ngày Thi **11/01/2021**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **TV301**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	16137083	Huỳnh Trần Minh	Trâm	DH16NL		7	7	7,5	7,3	0012345678910	0123456789
66	19153086	Tạ Thị Ngọc	Trinh	DH19CD		7	9	7	7,6	0012345678910	0123456789
67	19153087	Đặng Nguyễn Thành	Trung	DH19CD		7	7	1,5	3,7	0012345678910	0123456789
68	19153088	Nguyễn Công	Trường	DH19CD		8	8,5	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
69	19153089	Phạm Lê Tấn	Trường	DH19CD		0	8	7	6,6	0012345678910	0123456789
70	19153090	Mai Lê	Tú	DH19CD		7	8	2	4,3	0012345678910	0123456789
71	17138061	Bùi Anh	Tuấn	DH17TD						0012345678910	0123456789
72	19153093	Trần Ngọc	Vui	DH19CD		7	7,5	2	4,2	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 30 Số sinh viên vắng 02

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

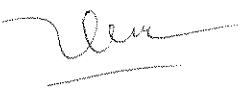
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

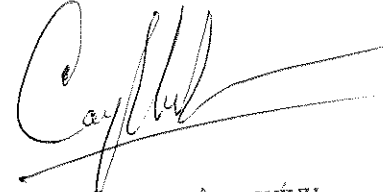
Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Trần Thị Kim Nga


Trần Thị Kim Nga


Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH


Trần Thị Kim Nga

Ngày in : 11/12/2020



Mã nhận dạng 01863

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19OT_04**

Tổ Thi **001_DH19OT_04**

Tên CBGD **Trần Thị Kim Ngà**

Ngày Thi **11/01/2021**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **TV102**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154005	Nguyễn Thái Bảo	DH19OT			9	8,3	5,5	6,7	0012345678910	0123456789
2	19154007	Nguyễn Văn Bình	DH19OT			9	7,9	1,5	4,2	0012345678910	0123456789
3	19154009	Nguyễn Xuân Cảnh	DH19OT			9	8,6	2	4,7	0012345678910	0123456789
4	19154020	Nguyễn Công Danh	DH19OT			9	7,9	3,5	5,4	0012345678910	0123456789
5	19154021	Nguyễn Ngọc Danh	DH19OT			9	9	5	6,6	0012345678910	0123456789
6	19154033	Nguyễn Đức Duy	DH19OT			9	7,9	4,5	6,0	0012345678910	0123456789
7	19154022	Nguyễn Xuân Đạo	DH19OT			9	7,9	4,5	6,0	0012345678910	0123456789
8	19154026	Ngô Huỳnh Đức	DH19OT			8	8,6	1	4,0	0012345678910	0123456789
9	19154027	Nguyễn Hoài Đức	DH19OT			9	8,3	6	7,0	0012345678910	0123456789
10	19154038	Huỳnh Đạo Hạnh	DH19OT			9	7,6	1	3,8	0012345678910	0123456789
11	19154040	Đào Công Hậu	DH19OT			9	8,6	6	7,1	0012345678910	0123456789
12	19154043	Nguyễn Thái Hiền	DH19OT			9	7,9	1	3,9	0012345678910	0123456789
13	17154028	Phạm Từ Hùng	DH17OT			9	7,4	2,5	4,6	0012345678910	0123456789
14	19154046	Phạm Quang Hiếu	DH19OT			9	7,7	3	5,0	0012345678910	0123456789
15	19154048	Trần Hòa	DH19OT			9	8,6	1,5	4,4	0012345678910	0123456789
16	19154047	Văn Công Hoà	DH19OT			8	7,9	1,5	4,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01863

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Kỹ thuật điện tử(207110)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_04

Tổ Thi 001_DH19OT_04

Tên CBGD Trần Thị Kim Nga

Ngày Thi 11/01/2021

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi TV102

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154050	Hà Ngọc Quốc	Hoàng	HaNgoc		9	7,9	6	6,9	0012345678910	0123456789
18	19154051	Lê Quang	Hoàng	LeQuang		7	8,3	1,5	4,1	0012345678910	0123456789
19	19137028	Sầm Khắc	Huy	SamKhat		8	7,6	7	7,3	0012345678910	0123456789
20	19154063	Trịnh Nhật	Huy	TrinhNhat		9	4,9	0	2,4	0012345678910	0123456789
21	19154064	Huỳnh Quang	Khải	HuynhQuang		8	7,9	2	4,4	0012345678910	0123456789
22	19154066	Đoàn Duy	Khang	DoanDuy		9	8,6	5,5	6,8	0012345678910	0123456789
23	19154074	Trần Công	Khánh	TranCong		9	7	0	3,0	0012345678910	0123456789
24	19154076	Trần Anh	Khoa	TranAnh		9	7,9	0	3,3	0012345678910	0123456789
25	19154078	Đoàn Thế	Kiệt	DoanThe		7	6,5	3,5	4,8	0012345678910	0123456789
26	19154082	Đặng Quang	Lâm	DangQuang		9	7,6	3	5,0	0012345678910	0123456789
27	19154084	Ngô Minh	Lê	NgôMinh						0012345678910	0123456789
28	19154087	Nguyễn Minh	Lộc	NguyenMinh		7	7,9	3	4,9	0012345678910	0123456789
29	19154092	Trần Đức	Mạnh	TranDuc		9	8,3	4	5,8	0012345678910	0123456789
30	19130141	Phạm Hoàng	Nam	PhamHoang		9	7,6	0,5	3,5	0012345678910	0123456789
31	18154073	Tạ Hoàng	Nam	TaHoang		8	7,9	1	3,8	0012345678910	0123456789
32	19154102	Nguyễn Cao	Nguyễn	NguyenCao		9	6,7	4	5,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01863

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19OT_04**

Tổ Thi **001_DH19OT_04**

Tên CBGD **Trần Thị Kim Nga**

Ngày Thi **11/01/2021**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **TV102**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118098	Nguyễn Trung Nhân	DH18CK			9	7,6	4,5	5,9	0012345678910	0123456789
34	19154107	Đình Minh Nhật	DH19OT			9	7,9	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
35	19154112	Nguyễn Phan Huỳnh	DH19OT			9	8,4	7	7,6	0012345678910	0123456789
36	19138059	Nguyễn Thành	DH19TD			9	8	2,5	4,8	0012345678910	0123456789
37	17137051	Phạm Nhật	DH17NL			9	8,3	2	4,6	0012345678910	0123456789
38	19154114	Hồ Thanh	DH19OT			7	8,6	5,5	6,6	0012345678910	0123456789
39	19154118	Não Hoài	DH19OT			9	7,7	0	3,2	0012345678910	0123456789
40	19154119	Phạm Gia	DH19OT			8	9	3,5	5,6	0012345678910	0123456789
41	19154128	Nguyễn Đình	DH19OT			8	8,3	2	4,5	0012345678910	0123456789
42	19154130	Trần Huỳnh Ngọc	DH19OT			9	7	4	5,4	0012345678910	0123456789
43	17137060	Trần Ngọc	DH17NL			9	6,9	3	4,8	0012345678910	0123456789
44	19154132	Nguyễn Văn	DH19OT			9	6,5	5	5,9	0012345678910	0123456789
45	19154134	Nguyễn Văn	DH19OT			8	7,6	3,5	5,2	0012345678910	0123456789
46	19154136	Phạm Văn	DH19OT			7	7,9	2	4,3	0012345678910	0123456789
47	19154143	Chu Chí	DH19OT			9	7,9	4	5,7	0012345678910	0123456789
48	19154145	Hồ Phan Long	DH19OT			9	7	0,5	3,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01863

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19OT_04**

Tổ Thi **001_DH19OT_04**

Tên CBGD **Trần Thị Kim Ngà**

Ngày Thi **11/01/2021**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **TV102**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19154146	Lê Thiện Thành	DH19OT			8	9,7	0	3,7	0012345678910	0123456789
50	19154147	Lê Văn Thành	DH19OT			9	7,6	1	3,8	0012345678910	0123456789
51	19154150	Phạm Minh Thành	DH19OT			7	8,3	7	7,4	0012345678910	0123456789
52	19154151	Trần Trí Thành	DH19OT			7	8,6	2,5	4,8	0012345678910	0123456789
53	16118143	Hà Văn Thắng	DH16CC			9	0	3,5	3,0	0012345678910	0123456789
54	19154154	Lê Danh Thi	DH19OT			8	7,9	1	3,8	0012345678910	0123456789
55	19154157	Chu Thánh Thiện	DH19OT			9	6,9	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
56	18118142	Nguyễn Quang Thìn	DH18CK			9	7,7	3,5	5,3	0012345678910	0123456789
57	19154159	Nguyễn Thanh Thông	DH19OT			9	8,6	2	4,7	0012345678910	0123456789
58	19154161	Lâm Gia Thuận	DH19OT			9	6,7	1,5	3,8	0012345678910	0123456789
59	19154162	Sơn Minh Thuận	DH19OT			9	8	0	3,3	0012345678910	0123456789
60	19154166	Huỳnh Công Tín	DH19OT			9	7,7	0,5	3,5	0012345678910	0123456789
61	19154167	Nguyễn Hữu Tín	DH19OT			9	9,7	3,5	5,9	0012345678910	0123456789
62	19118243	Nguyễn Tấn Tịnh	DH19CC			7	8,3	3,5	5,3	0012345678910	0123456789
63	19154900	Nguyễn Huy Toàn	DH19OT			8	7,9	4,5	5,9	0012345678910	0123456789
64	19154172	Nguyễn Tiến Triều	DH19OT			9	7,6	2	4,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01863

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19OT_04**

Tổ Thi **001_DH19OT_04**

Tên CBGD **Trần Thị Kim Ngà**

Ngày Thi **11/01/2021**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **TV102**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	19154174	Nguyễn Văn Triệu	DH19OT			9	6,9	4	5,4	0012345678910	0123456789
66	19154176	Nguyễn Lập Trường	DH19OT			9	6,6	4	5,3	0012345678910	0123456789
67	19154177	Nguyễn Nguyên Trường	DH19OT							0012345678910	0123456789
68	19154179	Lê Bá Tuấn	DH19OT			7	7,6	4,5	5,7	0012345678910	0123456789
69	19154180	Nguyễn Hữu Tuấn	DH19OT			9	5,9	2	3,9	0012345678910	0123456789
70	17118133	Phùng Văn Quốc Tuấn	DH17CC			7	0	4	3,1	0012345678910	0123456789
71	19154182	Đoàn Phạm Thanh Tùng	DH19OT			7	7,2	2,5	4,4	0012345678910	0123456789
72	19154185	Trần Lâm Tùng	DH19OT			8	7,6	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
73	19154186	Trần Hồng Tường	DH19OT			8	7,6	5	6,1	0012345678910	0123456789
74	19154187	Nguyễn Hoàng Văn	DH19OT			8	7,9	2	4,4	0012345678910	0123456789
75	19154197	Trần Thế Vy	DH19OT			8	6,2	5	5,7	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi **73** Số sinh viên vắng **2**

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in: 11/12/2020

Nguyễn Thị Vy

Trần Thị Kim Ngà

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH



Mã nhận dạng 01864

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19OT_05**

Tổ Thi **001_DH19OT_05**

Tên CBGD **Trần Thị Kim Ngà**

Ngày Thi **11/01/2021**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **HD202**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 80 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154002	Trương Hoàng Anh	DH19OT			7	9	5	6,4	0012345678910	0123456789
2	19154003	Vũ Xuân Bách	DH19OT			7	7,6	1	3,6	0012345678910	0123456789
3	19154006	Lê Nguyễn Thái Bình	DH19OT			0	7,6	2	3,5	0012345678910	0123456789
4	19154012	Nguyễn Minh Chiến	DH19OT			7	8,3	4,5	5,9	0012345678910	0123456789
5	18118012	Tạ Đức Cao	DH18CC			8	9	5,5	6,8	0012345678910	0123456789
6	19154015	Huỳnh Mạnh Cường	DH19OT			7	7,9	4	5,5	0012345678910	0123456789
7	19154019	Hồ Lê Tuấn Danh	DH19OT			7	6,5	4,5	5,4	0012345678910	0123456789
8	18154019	Huỳnh Công Danh	DH18OT			8	8,5	2	4,6	0012345678910	0123456789
9	19154023	Nguyễn Tấn Dầu	DH19OT			7	7,9	2	4,3	0012345678910	0123456789
10	17118029	Trần Minh Duy	DH17CC			0	8	1,5	3,3	0012345678910	0123456789
11	19154031	Phạm Tùng Dương	DH19OT			7	8,3	2	4,4	0012345678910	0123456789
12	19154032	Võ Trùng Dương	DH19OT			7	8,6	4,5	6,0	0012345678910	0123456789
13	19154017	Võ Quốc Đại	DH19OT			7	7	7,5	7,3	0012345678910	0123456789
14	16137013	Phan Quốc Đạt	DH16NL			8	4	0,5	2,3	0012345678910	0123456789
15	17154016	Nguyễn Khoa Điên	DH17OT			7	8	9	8,5	0012345678910	0123456789
16	19154024	Võ Văn Đô	DH19OT			7	7,9	6	6,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01864

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Kỹ thuật điện tử(207110)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_05

Tổ Thi

001_DH19OT_05

Tên CBGD

Trần Thị Kim Nga

Ngày Thi 11/01/2021

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

HD202

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154029	Nguyễn Việt Đức	DH19OT			7	6,5	4	5,4	0012345678910	0123456789
18	19154036	Đặng Bảo Hân	DH19OT			7	8,5	1,5	4,2	0012345678910	0123456789
19	19154044	Nguyễn Đỗ Trọng Hiệp	DH19OT			7	8,6	4,5	6,0	0012345678910	0123456789
20	18154036	Lê Võ Quang Hiếu	DH18OT			8	8,5	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
21	19154049	Trần Văn Hòa	DH19OT			7	7,6	2	4,2	0012345678910	0123456789
22	19154053	Đoàn Phi Hùng	DH19OT			7	8,6	1	3,9	0012345678910	0123456789
23	19154057	Dương Gia Huy	DH19OT							0012345678910	0123456789
24	19154059	Nguyễn Ngô Nhật	DH19OT			7	6,5	4,5	5,4	0012345678910	0123456789
25	19154060	Trần Quang Huy	DH19OT			7	7,2	6,5	6,8	0012345678910	0123456789
26	19154061	Trần Quang Huy	DH19OT			8	7,9	5,5	6,5	0012345678910	0123456789
27	19154055	Bùi Phước Hưng	DH19OT			7	7,2	2,5	4,4	0012345678910	0123456789
28	19154056	Nguyễn Hải Hưng	DH19OT			7	7,9	2,5	4,6	0012345678910	0123456789
29	19154065	Diệp Vĩ Khang	DH19OT			8	9	6	7,1	0012345678910	0123456789
30	19154068	Nguyễn Hồ Bảo Khang	DH19OT			8	6,6	0,5	3,1	0012345678910	0123456789
31	19154071	Võ Minh Khang	DH19OT			7	7,6	3,5	5,1	0012345678910	0123456789
32	19154072	Hồ Trường Quốc Khánh	DH19OT			7	9	1,5	4,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01864

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH19OT_05**

Tổ Thi **001_DH19OT_05**

Tên CBGD **Trần Thị Kim Nga**

Ngày Thi **11/01/2021**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **HD202**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 50%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19154073	Nguyễn Duy Khánh	DH19OT			7	8,3	2	4,4	0012345678910	0123456789
34	18118058	Đào Đăng Khoa	DH18CC			8	9	4,5	6,2	0012345678910	0123456789
35	19154075	Nguyễn Hoàng Đăng Khoa	DH19OT			7	7,6	1	3,6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi ~~51~~ Số sinh viên vắng 01

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

N.V. Kiệp

Lê Khắc Chí

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

Trần Thị Kim Nga



Mã nhận dạng 01865

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19OT_05**

Tổ Thi **002_DH19OT_05**

Tên CBGD **Trần Thị Kim Ngà**

Ngày Thi **11/01/2021**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **TV201A**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154077	Trương Đăng Khoa	DH19OT			7	8,3	3	5,0	0012345678910	0123456789
2	19154079	Hồ Tuấn Kiệt	DH19OT			7	7,9	0,5	3,4	0012345678910	0123456789
3	19154081	Trương Bảo Lam	DH19OT			7	7,6	4	5,4	0012345678910	0123456789
4	19154090	Trịnh Đình Vũ	DH19OT			7	6,5	1,5	3,6	0012345678910	0123456789
5	19154088	Phạm Đức Lộc	DH19OT			7	7,6	1,5	3,9	0012345678910	0123456789
6	19154089	Trần Đức Lợi	DH19OT			7	8,3	1,5	4,1	0012345678910	0123456789
7	19154093	Nguyễn Lê Anh Minh	DH19OT			7	7,6	1,5	3,9	0012345678910	0123456789
8	19154095	Nguyễn Xuân Minh	DH19OT			7	6,5	3	4,5	0012345678910	0123456789
9	19154096	Nguyễn Hà Phương	DH19OT			7	7,2	0	2,9	0012345678910	0123456789
10	19154097	Nguyễn Hoàng	DH19OT			7	7,6	1,5	3,9	0012345678910	0123456789
11	19154099	Nguyễn Trọng Nghĩa	DH19OT			7	8,6	0,5	3,6	0012345678910	0123456789
12	19154100	Trần Hoàng Nghiêm	DH19OT			7	8,6	2,5	4,8	0012345678910	0123456789
13	19154101	Dương Trọng Ngôn	DH19OT			7	6,9	2,5	4,3	0012345678910	0123456789
14	19154105	Nguyễn Xuân Nhân	DH19OT			7	6,9	1,5	3,7	0012345678910	0123456789
15	19154106	Dương Hoài Nhân	DH19OT			7	6,9	1,5	3,7	0012345678910	0123456789
16	19154108	Trương Minh Nhật	DH19OT			7	8,3	0,5	3,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01865

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19OT_05**

Tổ Thi **002_DH19OT_05**

Tên CBGD **Trần Thị Kim Nga**

Ngày Thi **11/01/2021**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **TV201A**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154109	Dương Hoài	Nhìn	Dương		7	6,5	4	5,1	0012345678910	0123456789
18	19154104	Trần Thanh	Nguyễn	Nguyễn		7	7,6	1	3,6	0012345678910	0123456789
19	19154120	Lục Lưu	Phước	Phước		7	8,3	1	3,8	0012345678910	0123456789
20	19154122	Trần Lê Hữu	Phước	Trần		7	9,3	5	6,5	0012345678910	0123456789
21	19154123	Phạm Minh	Phương	Phạm		7	9,7	1	4,2	0012345678910	0123456789
22	19154125	Võ Anh	Phương	Võ		8	7,9	2,5	4,7	0012345678910	0123456789
23	19154126	Nguyễn Mạnh	Quang	Nguyễn		7	7,6	5	6,0	0012345678910	0123456789
24	19154127	Nguyễn Văn	Quý	Nguyễn		7	9	3	5,2	0012345678910	0123456789
25	19154131	Lê Hoàng	Son	Lê		7	8,6	1	3,9	0012345678910	0123456789
26	19154137	Huỳnh Anh	Tấn	Huỳnh		7	8,6	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
27	19154139	Dương Bảo	Thái	Dương		8	6,9	2,5	4,4	0012345678910	0123456789
28	19154140	Nguyễn Quốc	Thái	Nguyễn		8	7,6	5,5	6,4	0012345678910	0123456789
29	19153072	Hồ Chí	Thanh	Hồ		7	8,6	1	3,9	0012345678910	0123456789
30	19154142	Nguyễn Bảo	Thanh	Nguyễn		7	7,9	3	4,9	0012345678910	0123456789
31	19154148	Lương Tấn	Thành	Lương		7	7,6	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
32	16154086	Bùi Xuân	Thắng	Bùi		7	8,5	6	6,9	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 01865

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19OT_05**

Tổ Thi **002_DH19OT_05**

Tên CBGD **Trần Thị Kim Nga**

Ngày Thi **11/01/2021**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **TV201A**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19153071	Nguyễn Cao Thắng	DH19CD			8	8,3	2,5	4,8	0012345678910	0123456789
34	19154141	Nguyễn Quốc Thắng	DH19OT			8	6,9	3,5	5,0	0012345678910	0123456789
35	19154158	Trần Hữu Thiện	DH19OT			8	7,2	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
36	18154123	Trương Văn Thục	DH18OT			0	8,6	3,5	4,7	0012345678910	0123456789
37	19154164	Nguyễn Phước Tiến	DH19OT			8	8,3	4,5	6,0	0012345678910	0123456789
38	19154165	Lê Việt Tiệp	DH19OT			8	8,3	3,5	5,4	0012345678910	0123456789
39	19154170	Hoàng Ngọc Tinh	DH19OT			9	8,3	4,5	6,2	0012345678910	0123456789
40	19154168	Lê Chánh Tính	DH19OT			7	7,9	5	6,1	0012345678910	0123456789
41	19154169	Nguyễn Trọng Tính	DH19OT			8	6,9	2	4,2	0012345678910	0123456789
42	19154171	Lý Ngọc Toàn	DH19OT			7	7,9	4,5	5,8	0012345678910	0123456789
43	19154173	Trần Hải Triều	DH19OT			7	7,6	3,5	5,2	0012345678910	0123456789
44	16137091	Vũ Nhật Trường	DH16NL			9	0	1,5	1,8	0012345678910	0123456789
45	17118130	Huỳnh Anh Tú	DH17CK			8	6	3,5	4,7	0012345678910	0123456789
46	17118135	Đàng Năng San U	DH17CC			7	8,5	2	4,5	0012345678910	0123456789
47	19154190	Phạm Trương Quốc Việt	DH19OT			9	7,2	2	4,3	0012345678910	0123456789
48	19154191	Trương Quốc Việt	DH19OT			9	8,3	1,5	4,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01865

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19OT_05**

Tổ Thi **002_DH19OT_05**

Tên CBGD

Trần Thị Kim Nga

Ngày Thi **11/01/2021**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi

TV201A

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19154195	Nguyễn Ngọc Vinh	DH19OT			8	9	2	4,7	0012345678910	0123456789
50	19154196	Thạch Thanh Vũ	DH19OT			8	8,3	2,5	4,8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi **50** Số sinh viên vắng **00**

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Lê Văn Tuấn

Nguyễn Hữu Hòa

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

Trần Thị Kim Nga



Mã nhận dạng 01867

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Nguyên lý máy(207111)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CKC_01

Tổ Thi 001_DH19CKC_01

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 21/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV201B

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ±%	Đ2 ±%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118287	Nguyễn Quốc Bảo	DH19CKC			0.8	2.3	3.5	6.5	0012345678910	0123456789
2	19118027	Nguyễn Cường	DH19CKC				2.1	3.1	5.2	0012345678910	0123456789
3	19118289	Bùi Quốc Đại	DH19CKC							0012345678910	0123456789
4	19118290	Nguyễn Tô Hoàng Đạt	DH19CKC				2.1	2.4	4.5	0012345678910	0123456789
5	19118295	Huỳnh Tấn Học	DH19CKC				2.1	4.9	7.0	0012345678910	0123456789
6	19118296	Đinh Đức Mạnh	DH19CKC				2.3	2.8	5.0	0012345678910	0123456789
7	19118297	Nguyễn Thành Nam	DH19CKC			1	1.5	3.1	5.6	0012345678910	0123456789
8	19118298	Nguyễn Tấn Nhã	DH19CKC			0.7	2.1	2.4	5.2	0012345678910	0123456789
9	19118180	Huỳnh Hoàng Phúc	DH19CKC				1.8	4.2	6.0	0012345678910	0123456789
10	19118302	Nguyễn Như Quý	DH19CKC			0.7	2.1	5.9	8.7	0012345678910	0123456789
11	19118304	Phan Sáng	DH19CKC			1	2.1	5.2	8.3	0012345678910	0123456789
12	19118303	Nguyễn Phan Đức Sâm	DH19CKC			0.8	2.1	3.8	6.7	0012345678910	0123456789
13	19118307	Nguyễn Tín Trọng	DH19CKC			1	2.1	6.6	9.7	0012345678910	0123456789
14	19118308	Bùi Trọng Trường	DH19CKC				1.5	2.8	4.3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01867

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Nguyên lý máy(207111)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CKC_01

Tổ Thi

001_DH19CKC_01

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 21/01/2021

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV201B

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 1.3 Số sinh viên vắng ...1...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Trương Quang Trường

Phạm Minh Hải

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

Trương Quang Trường



Mã nhận dạng 01868

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207113)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CKC_01**

Tổ Thi **001_DH19CKC_01**

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

CT101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118287	Nguyễn Quốc Bảo	DH19CKC			0.5	3	3.7	7.2	0012345678910	0123456789
2	19118027	Nguyễn Cường	DH19CKC			1	3	3.3	7.3	0012345678910	0123456789
3	16118025	Nguyễn Châu Chí	DH16CK				0.9	3.7	4.6	0012345678910	0123456789
4	19118289	Bùi Quốc Đại	DH19CKC							0012345678910	0123456789
5	19118290	Nguyễn Tô Hoàng	DH19CKC				2.1	3.3	5.4	0012345678910	0123456789
6	19118295	Huỳnh Tấn	DH19CKC				2.1	4	6.1	0012345678910	0123456789
7	19118296	Đinh Đức	DH19CKC				1.6	1.9	4.5	0012345678910	0123456789
8	16118102	Phạm Nhựt	DH16CK				1.2	3.3	4.5	0012345678910	0123456789
9	19118297	Nguyễn Thành	DH19CKC			1	2.1	1.9	5.0	0012345678910	0123456789
10	19118298	Nguyễn Tấn	DH19CKC				2.1	1.9	4.0	0012345678910	0123456789
11	19118180	Huỳnh Hoàng	DH19CKC				2.1	1.9	4.0	0012345678910	0123456789
12	19118302	Nguyễn Như	DH19CKC			0.8	2.1	1.6	4.5	0012345678910	0123456789
13	19118304	Phan	DH19CKC			1	2.2	3.3	7.0	0012345678910	0123456789
14	19118303	Nguyễn Phan Đức	DH19CKC				2.1	1.9	4.0	0012345678910	0123456789
15	19118307	Nguyễn Tín	DH19CKC			1	3	3.3	7.3	0012345678910	0123456789
16	19118308	Bùi Trọng	DH19CKC				2.3	3.3	5.6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01868

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207113)** Số Tín Ch **3**
Nhóm Thi **DH19CKC_01** Tổ Thi **001_DH19CKC_01** Tên CBGD **Trương Quang Trường**
Ngày Thi **15/01/2021** Giờ Thi **12:15** Phòng Thi **CT101**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi **5**... Số sinh viên vắng **4**...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

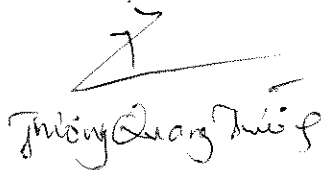
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Trương Quang Trường


Ngô Thanh Lý


Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH


Trương Quang Trường



Mã nhận dạng 01869

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207113)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **TINCHI1_02**

Tổ Thi **001_TINCHI1_02**

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

TV303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17153005	Lê Hoàng Bảo	DH17CD						9	0012345678910	0123456789
2	17137005	Mai Thanh Bình	DH17NL						6	0012345678910	0123456789
3	15118006	Nguyễn Châu Bình	DH15CK						4	0012345678910	0123456789
4	15154006	K' Bùng	DH15OT						4	0012345678910	0123456789
5	17153010	Vương Quốc Việt	DH17CD						4	0012345678910	0123456789
6	15118007	Lâm Quang Chiến	DH15CC						4.5	0012345678910	0123456789
7	15118008	Lê Trung Chiến	DH15CK						4	0012345678910	0123456789
8	17153011	Nguyễn Minh Chiến	DH17CD						4	0012345678910	0123456789
9	17154016	Nguyễn Khoa Điền	DH17OT						5	0012345678910	0123456789
10	15154019	Võ Duy Hà	DH15OT						4	0012345678910	0123456789
11	17118034	Huỳnh Văn Hiếu	DH17CK						7.5	0012345678910	0123456789
12	17153028	Nguyễn Thành Hiếu	DH17CD						8	0012345678910	0123456789
13	17115143	Nguyễn Công Hiếu	DH17GB						4	0012345678910	0123456789
14	17137022	Huỳnh Nhựt Hồ	DH17NL						7	0012345678910	0123456789
15	17154035	Nguyễn Thanh Hùng	DH17OT						6.5	0012345678910	0123456789
16	16154051	Vũ Văn Huy	DH16OT						6.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01869

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207113)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **TINCHI1_02**

Tổ Thi **001_TINCHI1_02**

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

TV303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	16137034	Nguyễn Nho Hưng	DH16NL						4	0012345678910	0123456789
18	15137071	Nguyễn Duy Khanh	DH15NL						4	0012345678910	0123456789
19	17115053	Trần Đăng Khoa	DH17GN						4	0012345678910	0123456789
20	17154047	Phạm Tấn Kiệt	DH17OT						7.5	0012345678910	0123456789
21	14118190	Huỳnh Công Lân	DH14CK						5.5	0012345678910	0123456789
22	17118058	Trần Ngọc Minh	DH17CK						8	0012345678910	0123456789
23	15118065	Nguyễn Trúc Minh	DH15CC						5	0012345678910	0123456789
24	17153045	Nguyễn Thanh Nam	DH17CD						5	0012345678910	0123456789
25	17118063	Trần Phương Nam	DH17CK						—	0012345678910	0123456789
26	16115113	Nguyễn Kiều Nghĩa	DH16GN						4	0012345678910	0123456789
27	17118064	Phan Trọng Nghĩa	DH17CK						4	0012345678910	0123456789
28	17153051	Võ Thành Nhân	DH17CD						7	0012345678910	0123456789
29	17154066	Đinh Xuân Nhật	DH17OT						4	0012345678910	0123456789
30	17118072	Nguyễn Minh Nhựt	DH17CK						—	0012345678910	0123456789
31	17153054	Dương Trung Ninh	DH17CD						4	0012345678910	0123456789
32	17137052	Nguyễn Tấn Phúc	DH17NL						8	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 01869

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Sức bền vật liệu(207113)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi TINCHI1_02

Tổ Thi 001_TINCHI1_02

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 15/01/2021

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17137056	Đàm Minh Quang	DH17NL	Quang					5.5	0012345678910	0123456789
34	17137055	Nguyễn Nhật Quân	DH17NL	Quân					6.5	0012345678910	0123456789
35	15153051	Nguyễn Anh Quân	DH15CD	Anh					8.5	0012345678910	0123456789
36	17137058	Ngô Thành Quí	DH17NL	Quí					7.5	0012345678910	0123456789
37	17154078	Lê Thanh Sơn	DH17OT	Sơn					6.5	0012345678910	0123456789
38	17113179	Trịnh Xuân Tâm	DH17OT	Tâm					4.5	0012345678910	0123456789
39	17115092	Nguyễn Hoàng Tân	DH17GB	Hoàng Tân					4	0012345678910	0123456789
40	16118143	Hà Văn Thắng	DH16CC	Thắng					4	0012345678910	0123456789
41	17154091	Phạm Bá Thắng	DH17OT	Thắng					4	0012345678910	0123456789
42	17118107	Bá Duy Thịnh	DH17CK	Thịnh					5	0012345678910	0123456789
43	14118070	Đinh Trọng Thọ	DH14CK	Thọ					4	0012345678910	0123456789
44	14118072	Nguyễn Gia Thuật	DH14CK	Thuật					5	0012345678910	0123456789
45	19118243	Nguyễn Tấn Tịnh	DH19CC	Tịnh					7	0012345678910	0123456789
46	16137083	Huỳnh Trần Minh Trâm	DH16NL	Trâm					6	0012345678910	0123456789
47	15118114	Lê Đức Trí	DH15CK	Trí					4	0012345678910	0123456789
48	17118120	Nguyễn Quang Trí	DH17CK	Trí					5.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01869

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207113)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **TINCHI1_02**

Tổ Thi **001_TINCHI1_02**

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

TV303

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	16115246	Dương Nguyễn Bá	Triều						4	0012345678910	0123456789
50	14118293	Lê Văn	Trùng						4	0012345678910	0123456789
51	14118294	Nguyễn Phi	Trường						4	0012345678910	0123456789
52	16154107	Trần Quang	Tuấn						6	0012345678910	0123456789
53	13138020	Trần Thanh	Tuấn						—	0012345678910	0123456789
54	14137092	Cao Tấn	Tùng						4.5	0012345678910	0123456789
55	13115460	Lê Tiến	Tùng						4	0012345678910	0123456789
56	17154122	Đặng Bá	Vũ						7.5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 63. Số sinh viên vắng 03.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Hữu Hòa

Ngô Thị Phương Thảo

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

Trương Quang Trường

Ngày in : 11/12/2020

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 01

CBGD: Nguyễn Văn Lành (804)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm 60%	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153002	Trương Quốc Anh	DH18CD	<i>[Signature]</i>	513	7	8	6.5	6.9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	18153003	Đinh Quốc Bảo	DH18CD	<i>[Signature]</i>	502	9	9	8.0	8.4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	18153006	Trần Hữu Chí	DH18CD	<i>[Signature]</i>	503	8	8	6.0	6.8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	18153007	Trần Minh Chiến	DH18CD	<i>[Signature]</i>	504	8	7	5.5	6.3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	18153009	Ngô Mạnh Cường	DH18CD	<i>[Signature]</i>	505	8	8	6.5	7.1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	18137013	Nguyễn Tiến Dũng	DH18NL	<i>[Signature]</i>	737	9	8	7.0	7.6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	18153013	Nguyễn Văn Dư	DH18CD	<i>[Signature]</i>	507	7	8	6.0	6.6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	18137011	Nguyễn Thanh Đạt	DH18NL	<i>[Signature]</i>	235	8	5	0.5	2.9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	18153012	Trần Tấn Đạt	DH18CD	<i>[Signature]</i>	509	9	8	6.5	7.3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	18153014	Bùi Hữu Đức	DH18CD	<i>[Signature]</i>	510	7	8	7.0	7.2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	18153017	Nguyễn Bảo Giang	DH18CD	<i>[Signature]</i>	511	8	9	8.0	8.2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	18153021	Nguyễn Trung Hiếu	DH18CD	<i>[Signature]</i>	512	8	8	6.0	6.8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	18153022	Nguyễn Văn Minh Hiếu	DH18CD						✓	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	18153024	Nguyễn Phúc Hòa	DH18CD	<i>[Signature]</i>	514	7	8	5.5	6.3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	18153026	Đoàn Ngọc Hoàng	DH18CD	<i>[Signature]</i>	506	8	9	8.0	8.2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	18137021	Hồ Xuân Hùng	DH18NL	<i>[Signature]</i>	736	9	8	5.0	6.4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 01

CBGD: Nguyễn Văn Lành (804)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
17	18153029	Trương Vĩnh Huy	DH18CD		517	7	7	4.0	5.2	0012345678910	0123456789
18	18153027	Trần Ngọc Hưng	DH18CD		518	8	9	7.5	7.9	0012345678910	0123456789
19	18153030	Huỳnh Minh Kha	DH18CD		519	8	8	5.5	6.5	0012345678910	0123456789
20	18153033	Nguyễn Viết Vĩnh Khang	DH18CD		520	7	8	6.5	6.9	0012345678910	0123456789
21	18153035	Vũ Chúc Khiêm	DH18CD		521	8	8	7.0	7.4	0012345678910	0123456789
22	18137024	Trần Đăng Khoa	DH18NL		522	7	7	0.0	2.8	0012345678910	0123456789
23	18153036	Trần Việt Khoa	DH18CD		523	7	7	4.0	5.2	0012345678910	0123456789
24	18153037	Nguyễn Minh Khôi	DH18CD						✓	0012345678910	0123456789
25	18153038	Lê Trọng Lâm	DH18CD		525	8	9	7.0	7.6	0012345678910	0123456789
26	18153039	Trần Cao Linh	DH18CD		526	8	9	7.0	7.6	0012345678910	0123456789
27	18153041	Lâm Hoàng Long	DH18CD		527	8	9	7.5	7.9	0012345678910	0123456789
28	18153042	Lưu Hoàng Long	DH18CD		528	8	8	6.0	6.8	0012345678910	0123456789
29	18118077	Thét Chủ Long	DH18CC		529	8	7	5.5	6.3	0012345678910	0123456789
30	18137026	HuỳnhĐa Lộc	DH18NL		530	8	8	6.0	6.8	0012345678910	0123456789
31	18153047	Huỳnh Minh Mân	DH18CD		531	8	8	6.0	6.8	0012345678910	0123456789
32	18137029	Nguyễn Huỳnh Nam	DH18NL		532	8	8	6.0	6.8	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 01

CBGD: Nguyễn Văn Lành (804)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	18154073	Tạ Hoàng Nam	DH18OT	Nam	533	7	9	7.5	7.7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
34	18153048	Nguyễn Đại Nghĩa	DH18CD	Nghĩa	534	7	7	5.5	6.1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
35	18153050	Nguyễn Minh Nhật	DH18CD	Nhật	535	7	8	7.0	7.2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
36	18153053	Nguyễn Công Xuân Phú	DH18CD	Phú	536	8	9	9.0	8.8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
37	18153056	Nguyễn Đăng Quang	DH18CD	Quang	537	9	8	7.0	7.6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
38	18137036	Nguyễn Đình Anh Quang	DH18NL	Anh	538	8	7	0.0	3.0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
39	18153059	Vũ Thế Quang	DH18CD	Quang	539	8	8	8.0	8.0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
40	18153062	Nguyễn Ngọc Quynh	DH18CD	Quynh	540	8	8	5.0	6.2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
41	18153064	Đoàn Văn Tân	DH18CD	Tân	601	8	8	6.0	6.8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
42	18137039	Phạm Trương Quang Tân	DH18NL	Tân	602	9	8	6.0	7.0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
43	18153067	Trần Hải Thành	DH18CD	Thành	603	7	9	8.0	8.0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
44	18153066	Nguyễn Minh Đức Thắng	DH18CD	Thắng	604	8	9	8.5	8.5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
45	18153069	Bùi Xuân Thiện	DH18CD	Thiện	605	8	9	8.0	9.2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
46	17154102	Lê Cao Quốc Tiến	DH17OT	Tiến	613	9	9	7.5	8.1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
47	18137046	Phan Khánh Trung	DH18NL	Trung	607	8	8	6.5	7.1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
48	18137047	Hồ Nguyễn Phi Trường	DH18NL	Trường	608	8	7	5.5	6.3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 01002

Trang 4/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 01

CBGD: Nguyễn Văn Lành (804)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm Đ1	Điểm Đ2	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	18153083	Phạm Khải Tường	DH18CD		609	7	8	7.5	7.5		0012345678910	0123456789
50	18153086	Nguyễn Việt Ý	DH18CD		612	7	9	8.0	8.0		0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Văn Lành

Nguyễn Nam Cường

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Nguyễn Văn Lành



Mã nhận dạng 01003

Trang 1/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 02

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118003	Châu Vĩ Anh	DH18CC				9,0	8,0	8,5	001234567●910	01234●6789
2	18154006	Phạm Tuấn Anh	DH18OT				4,0	3,0	3,5	0012●45678910	01234●6789
3	18154008	Trịnh Hoàng Anh	DH18OT							●012345678910	0123456789
4	18154003	Trương Long Ân	DH18OT				7,0	4,0	5,5	001234●678910	01234●6789
5	16138004	Lê Kim Bằng	DH16TD							●012345678910	0123456789
6	18154013	Phạm Minh Chí	DH18OT				5,0	3,0	4,0	00123●5678910	●123456789
7	17154009	Nguyễn Thành Công	DH17OT				7,3	5,0	6,2	0012345●78910	01●3456789
8	18154031	Nguyễn Minh Dương	DH18OT				4,3	2,0	3,2	0012●45678910	01●3456789
9	18154016	Dương Đình Đại	DH18OT				7,0	6,0	6,5	0012345●78910	01234●6789
10	18154017	Nguyễn Tấn Đại	DH18OT				5,0	4,0	4,5	00123●5678910	01234●6789
11	18154021	Lâm Gia Đạt	DH18OT				5,3	3,0	4,2	00123●5678910	01●3456789
12	17138009	Huỳnh Minh Định	DH17TD				8,7	6,0	7,3	00123456●8910	012●456789
13	17153200	Phạm Văn Hạnh	DH17CD				8,7	8,0	8,3	001234567●910	012●456789
14	17138020	Trịnh Minh Hiếu	DH17TD				6,3	3,0	4,7	00123●5678910	0123456●89
15	18154039	Vũ Xuân Hòa	DH18OT				6,7	6,0	6,3	0012345●78910	012●456789
16	18154046	Nguyễn Hoàng Huy	DH18OT				7,3	8,0	7,7	00123456●8910	0123456●89



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 02

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154048	Phạm Trần Gia Huy	DH18OT							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	18154041	Nguyễn Minh Hưng	DH18OT				0,0	5,0	2,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	17137035	Đặng Quốc Khánh	DH17NL				0,0	9,0	4,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	18154053	Trần Công Khánh	DH18OT				4,3	3,0	3,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	17138028	Nguyễn Vũ Minh Khôi	DH17TD				6,7	5,0	5,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	18154059	Nguyễn Phan Hoài Lâm	DH18OT				4,3	3,0	3,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	18154061	Chu Phú Lâm	DH18OT				0,0	4,0	2,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	18154063	Nguyễn Xuân Linh	DH18OT				0,0	3,0	1,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	18118076	Phạm Văn Long	DH18CK				5,3	5,0	5,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	17138030	Phan Nguyễn Hoàng Long	DH17TD				7,0	7,0	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	18154070	Nguyễn Hoàng Nam	DH18OT				0,0	3,0	1,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	17138035	Dương Hoàng Nguyên	DH17TD				7,0	4,0	5,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	17154066	Đinh Xuân Nhật	DH17OT				4,0	3,0	3,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	18154089	Đoàn Minh Nhựt	DH18OT				7,0	6,0	6,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	18154090	Trần Nguyễn Minh Nhựt	DH18OT				6,0	4,0	5,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	14118048	Bùi Hoàng Phong	DH14CC				0,0	1,0	0,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 01003

Trang 3/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 02

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	18154096	Quách Thanh Phú	DH18OT				5,7	4,0	4,8	0012345678910	0123456789
34	17154072	Trần Thanh Phúc	DH17OT				6,0	7,0	6,5	0012345678910	0123456789
35	18154101	Nguyễn Duy Phương	DH18OT				5,3	3,0	4,2	0012345678910	0123456789
36	17138042	Nguyễn Trung Quân	DH17TD				8,0	5,0	6,5	0012345678910	0123456789
37	15154041	Nguyễn Minh Nhật	DH15OT				0,0	0,0	0,0	0012345678910	0123456789
38	19118198	Nguyễn Trường Sơn	DH19CK				5,7	6,0	5,9	0012345678910	0123456789
39	17154081	Phạm Trương Hồng Sơn	DH17OT							0012345678910	0123456789
40	17154088	Võ Văn Thạch	DH17OT				7,3	6,0	6,7	0012345678910	0123456789
41	18154112	Trần Lê Phương Thái	DH18OT				5,0	6,0	5,5	0012345678910	0123456789
42	18154113	Lê Đức Thắng	DH18OT				0,0	6,0	3,0	0012345678910	0123456789
43	18154114	Nguyễn Quốc Thắng	DH18OT				0,0	3,0	1,5	0012345678910	0123456789
44	18154115	Trần Hữu Thắng	DH18OT				5,7	5,0	5,3	0012345678910	0123456789
45	18154120	Trần Quốc Thịnh	DH18OT				0,0	3,0	1,5	0012345678910	0123456789
46	18118151	Bùi Minh Tiến	DH18CK				1,7	4,0	2,8	0012345678910	0123456789
47	18154124	Nguyễn Hữu Tín	DH18OT				5,3	4,0	4,7	0012345678910	0123456789
48	18154125	Nguyễn Văn Toàn	DH18OT				5,7	4,0	4,8	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 02

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	18154126	Võ Minh Trí	DH18OT				0,0	3,0	1,5	0002345678910	0123456789
50	17138060	Trương Tuấn Tú	DH17TD				4,3	2,0	3,2	0012345678910	0123456789
51	18154131	Nguyễn Tài Tuệ	DH18OT				5,0	2,0	3,5	0012345678910	0123456789
52	18118179	Võ Thanh Tùng	DH18CK				7,0	8,0	7,5	0012345678910	0123456789
53	18154135	Võ Văn Vũ	DH18OT				5,3	1,0	3,2	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 04

Hiện diện: 49

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH



Mã nhận dạng 01004

Trang 1/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 03

CBGD: Nguyễn Văn Lành (804)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 Đ1 %	Đ2 Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118017	Đỗ Tấn Cảnh	DH19CC	Cảnh	733	8	9	7.5	7.9	001234568910	0123456789
2	19118043	Huỳnh Quốc Dũng	DH19CC	Dũng	610	8	8	5.5	6.5	0012345678910	0123456789
3	19118049	Huỳnh Khánh Duy	DH19CC	Duy	611	8	7	2.0	4.2	0012345678910	0123456789
4	17137017	Tạ Triệu Duy	DH17NL	Duy	614	8	8	6.5	7.1	001234568910	0123456789
5	19118052	Văn Thành Duy	DH19CK	Thành	615	8	8	5.0	6.2	0012345678910	0123456789
6	19118029	Nguyễn Hữu Đang	DH19CK	Đang	616	8	9	7.5	7.9	001234568910	0123456789
7	19118033	Lê Tiến Đạt	DH19CC	Đạt	508	8	8	5.5	6.5	0012345678910	0123456789
8	16137013	Phan Quốc Đạt	DH16NL	Đạt	618	7	8	6.5	6.9	0012345678910	0123456789
9	19118039	Bùi Ngọc Điệp	DH19CC	Điệp	619	8	7	5.5	6.3	0012345678910	0123456789
10	16138027	Lê Hoàng Giang	DH16TD	Giang	620	8	9	8.5	8.5	0012345678910	0123456789
11	17154024	Phạm Văn Giàu	DH17OT	Giàu	621	8	9	9.0	8.8	0012345678910	0123456789
12	19118057	Huỳnh Gia Hào	DH19CC	Hào	622	8	7	0.0	3.0	0012345678910	0123456789
13	19118059	Nguyễn Chí Hào	DH19CC	Hào	623	8	8	5.5	6.5	0012345678910	0123456789
14	19118061	Lê Lý Hậu	DH19CC	Hậu	624	8	9	8.5	8.5	0012345678910	0123456789
15	17153028	Nguyễn Thành Hiếu	DH17CD	Hiếu	625	8	9	7.5	7.9	001234568910	0123456789
16	19118074	Ngô Minh Hoàng	DH19CC	Hoàng	626	8	8	6.5	7.1	001234568910	0123456789



Mã nhận dạng 01004

Trang 2/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 03

CBGD: Nguyễn Văn Lành (804)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118077	Phạm Văn Hoàng	DH19CC						✓	0012345678910	0123456789
18	19118085	Đặng Minh Huy	DH19CC	<i>Minh</i>	627	8	9	7.5	7.9	0012345678910	0123456789
19	19118094	Nguyễn Nam Huy	DH19CC	<i>Nam</i>	628	8	8	6.5	7.1	0012345678910	0123456789
20	19118083	Nguyễn Duy Hưng	DH19CC	<i>Duy</i>	629	8	8	6.0	6.8	0012345678910	0123456789
21	19118084	Trần Trọng Hữu	DH19CC	<i>Tran</i>	630	8	7	5.5	6.3	0012345678910	0123456789
22	19118103	Mai Hoàng KHải	DH19CC	<i>Khải</i>	631	8	9	8.5	8.5	0012345678910	0123456789
23	19118107	Phạm Vĩnh Khang	DH19CC	<i>Vinh</i>	740	8	7	3.5	5.1	0012345678910	0123456789
24	19118110	Lâm Hào Khôn	DH19CC	<i>Hao</i>	633	8	8	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
25	19118115	Phù ThiẾT	DH19CC	<i>Phu</i>	524	8	7	0.0	3.0	0012345678910	0123456789
26	19118116	Lâm Văn La	DH19CC	<i>La</i>	635	8	7	4.0	5.4	0012345678910	0123456789
27	19118117	Nguyễn Trường Lâm	DH19CC	<i>Lam</i>	636	8	7	4.0	5.4	0012345678910	0123456789
28	19118122	Đinh Kỳ Linh	DH19CC	<i>Quynh</i>	637	8	8	5.0	6.2	0012345678910	0123456789
29	18118078	Hồ Minh Luân	DH18CC	<i>Luân</i>	638	8	8	5.5	6.5	0012345678910	0123456789
30	19118134	Lý Kim Luân	DH19CC	<i>Luân</i>	639	8	8	5.0	6.2	0012345678910	0123456789
31	19118135	Trần Hữu Luân	DH19CC	<i>Huu</i>	640	8	8	5.5	6.5	0012345678910	0123456789
32	19118150	Nguyễn Hoài Nam	DH19CC	<i>Nam</i>	701	8	7	3.0	4.8	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 03

CBGD: Nguyễn Văn Lành (804)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 20 %	Điểm thi 60 %	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118159	Đinh Quang Nguyên	DH19CC						✓	○○○12345678910	○123456789
34	19118160	Trần Bá	DH19CC	u	702	8	7	2.5	4.5	○○○12345678910	○123456789
35	19118161	Lê Dương Thiện	DH19CC	P	703	8	7	2.5	4.5	○○○12345678910	○123456789
36	16138062	Nguyễn Đình Trục	DH16TD	Quang	704	8	8	4.5	5.9	○○○12345678910	○123456789
37	19118170	Nguyễn Hoàng	DH19CC	Thi	705	8	9	7.5	7.9	○○○12345678910	○123456789
38	18137031	Nguyễn Thành	DH18NL	phat	706	8	9	7.5	7.9	○○○12345678910	○123456789
39	18137032	Nguyễn Thành	DH18NL	phat	707	8	8	7.0	7.4	○○○12345678910	○123456789
40	19118173	Bùi Trung	DH19CC	thuan	708	8	7	2.5	4.5	○○○12345678910	○123456789
41	18137034	Dương Văn	DH18NL	Phong	709	8	7	6.5	6.9	○○○12345678910	○123456789
42	19118177	Nguyễn Trường	DH19CC	L	710	8	7	6.0	6.6	○○○12345678910	○123456789
43	19118179	Nguyễn Lê	DH19CC	luong	711	8	7	5.5	6.3	○○○12345678910	○123456789
44	19118182	Lê Đình	DH19CC	Phuoc	712	8	8	8.0	8.0	○○○12345678910	○123456789
45	19118189	Lê Vinh	DH19CK	Quang	713	8	7	1.0	3.6	○○○12345678910	○123456789
46	13153186	Trần Minh	DH13CD	Quang	714	7	8	7.5	7.5	○○○12345678910	○123456789
47	19118185	Nguyễn Hoàng	DH19CC	thuan	715	8	8	6.0	6.8	○○○12345678910	○123456789
48	19118213	Đặng Hồng	DH19CC	Thinh	716	8	8	6.5	7.1	○○○12345678910	○123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 03

CBGD: Nguyễn Văn Lành (804)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	19118214	Lê Ngọc Thanh	DH19CK	Thư L	717	8	8	8.0	8.0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
50	19118215	Trần Ngọc Thanh	DH19CC	Thanh	718	8	7	5.0	6.0	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
51	16154086	Bùi Xuân Thắng	DH16OT						✓	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
52	19118211	Trần Danh Thắng	DH19CC	Thư	719	8	7	6.0	6.6	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤●⑦⑧⑨
53	19118224	Lâm Thanh Thiện	DH19CC	Thư	739	8	7	5.0	6.0	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
54	13153223	Trần Hữu Thọ	DH13CD						✓	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
55	15138067	Nguyễn Đình Thông	DH15TD	Thư	721	8	7	5.5	6.3	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
56	19118233	Nguyễn Nam Thuận	DH19CC	Thư	722	7	8	6.5	6.9	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
57	19118238	Trần Minh Tiến	DH19CC	Thư	723	8	8	8.0	8.0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
58	19118242	Phan Đặng Hoài Tinh	DH19CK	Thư	724	8	8	7.0	7.4	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
59	19118243	Nguyễn Tấn Tịnh	DH19CC	Thư	725	8	7	6.0	6.6	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤●⑦⑧⑨
60	19118246	Nguyễn Văn Toàn	DH19CC	Thư	726	✓			✓	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
61	19118245	Nguyễn Văn Toán	DH19CC	Thư	726	8	7	0.0	3.0	○○○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
62	15118114	Lê Đức Trí	DH15CK	Thư	727	6	7	0.0	2.6	○○○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤●⑦⑧⑨
63	19118258	Vũ Đình Trung	DH19CC	Thư	734	8	7	5.5	6.3	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
64	16137091	Vũ Nhật Trường	DH16NL	Thư	728	8	8	6.0	6.8	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

CBGD: Nguyễn Văn Lành (804)

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhân của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Nguyễn Văn Lanh



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: ƯD tin học trong thiết kế máy (207125) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153002	Trương Quốc Anh	DH18CD				7,0	8,0	7,5	00123456●8910	01234●6789
2	18153003	Đình Quốc Bảo	DH18CD				8,8	6,0	7,4	00123456●8910	0123●56789
3	18153004	Nguyễn Ngọc Bảo	DH18CD				7,5	8,0	7,8	00123456●8910	01234567●9
4	18153005	Phan Chí Bảo	DH18CD				8,5	9,0	8,8	001234567●910	01234567●9
5	16118016	Tăng Duy Bảo	DH16CK				8,8	8,0	8,4	001234567●910	0123●56789
6	18153006	Trần Hữu Chí	DH18CD				8,5	4,5	6,5	0012345●78910	01234●6789
7	18153007	Trần Minh Chiến	DH18CD				7,0	7,0	7,0	00123456●8910	●123456789
8	14153009	Lê Mạnh Cường	DH14CD							●012345678910	0123456789
9	18153009	Ngô Mạnh Cường	DH18CD				7,5	3,5	5,5	001234●678910	01234●6789
10	17118027	Nguyễn Anh Duy	DH17CC				0,0	6,5	3,3	0012●45678910	012●456789
11	18153013	Nguyễn Văn Dư	DH18CD				4,5	2,0	3,3	0012●45678910	012●456789
12	18153015	Đỗ Trung Dương	DH18CD				7,3	8,0	7,6	00123456●8910	012345●789
13	18153016	Nguyễn Thái Dương	DH18CD				7,0	7,0	7,0	00123456●8910	●123456789
14	18153012	Trần Tấn Đạt	DH18CD				7,5	7,0	7,3	00123456●8910	012●456789
15	18153014	Bùi Hữu Đức	DH18CD				7,5	9,0	8,3	001234567●910	012●456789
16	18153017	Nguyễn Bảo Giang	DH18CD				9,3	8,0	8,6	001234567●910	012345●789



Mã nhận dạng 01005

Trang 2/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: UD tin học trong thiết kế máy (207125) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 50%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17154024	Phạm Văn Giàu	DH17OT				0,0	3,0	1,5	00●2345678910	01234●6789
18	18153018	Lê Thanh Hải	DH18CD				7,5	9,0	8,3	001234567●910	012●456789
19	17153028	Nguyễn Thành Hiếu	DH17CD				8,0	8,0	8,0	001234567●910	●123456789
20	18153021	Nguyễn Trung Hiếu	DH18CD				7,0	6,0	6,5	0012345●78910	01234●6789
21	18153026	Đoàn Ngọc Hoàng	DH18CD				8,5	10	9,3	0012345678●10	012●456789
22	18153029	Trương Vĩnh Huy	DH18CD				9,3	10	9,6	0012345678●10	012345●789
23	18153027	Trần Ngọc Hưng	DH18CD				7,0	7,0	7,0	00123456●8910	0123456789
24	18153030	Huỳnh Minh Kha	DH18CD				5,3	3,0	4,1	00123●5678910	0●23456789
25	18153033	Nguyễn Viết Vĩnh Khang	DH18CD				8,5	4,0	6,3	0012345●78910	012●456789
26	18153036	Trần Việt Khoa	DH18CD				7,5	6,0	6,8	0012345●78910	01234567●9
27	18153037	Nguyễn Minh Khôi	DH18CD							●012345678910	0123456789
28	18153038	Lê Trọng Lâm	DH18CD				7,5	6,0	6,8	0012345●78910	01234567●9
29	18153039	Trần Cao Linh	DH18CD				5,3	3,0	4,1	00123●5678910	0●23456789
30	18153041	Lâm Hoàng Long	DH18CD				6,3	4,0	5,1	001234●5678910	0●23456789
31	18153042	Lưu Hoàng Long	DH18CD				7,0	7,0	7,0	00123456●8910	●123456789
32	18153043	Nguyễn Thành Long	DH18CD				7,0	7,0	7,0	00123456●8910	●123456789



Mã nhận dạng 01005

Trang 3/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: UĐ tin học trong thiết kế máy (207125) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	18153047	Huỳnh Minh Mẫn	DH18CD				7,3	3,5	5,4	0012345678910	0123456789
34	17118067	Lý Thái Nguyên	DH17CC				0,0	4,0	2,0	0012345678910	0123456789
35	17118073	Nguyễn Minh Nhựt	DH17CC				0,0	5,0	2,5	0012345678910	0123456789
36	18153051	Trần Minh Nhựt	DH18CD				8,0	9,0	8,5	0012345678910	0123456789
37	18153053	Nguyễn Công Xuân Phú	DH18CD				8,5	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
38	18153054	Nguyễn Tấn Phúc	DH18CD				4,5	10	7,3	0012345678910	0123456789
39	18153056	Nguyễn Đăng Quang	DH18CD				6,8	4,0	5,4	0012345678910	0123456789
40	18153058	Trần Minh Quang	DH18CD				0,0	7,0	3,5	0012345678910	0123456789
41	18153060	Phạm Thanh Quê	DH18CD				7,5	4,0	5,8	0012345678910	0123456789
42	14118237	Trần Quốc Sang	DH14CC				0,0	4,0	2,0	0012345678910	0123456789
43	18153065	Lương Viết Tây	DH18CD							0012345678910	0123456789
44	17153066	Đào Minh Thành	DH17CD				8,0	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
45	18153067	Trần Hải Thành	DH18CD				7,5	5,0	6,3	0012345678910	0123456789
46	18153066	Nguyễn Minh Đức Thắng	DH18CD				7,0	3,5	5,3	0012345678910	0123456789
47	18153069	Bùi Xuân Thiện	DH18CD				7,5	8,0	7,8	0012345678910	0123456789
48	18153073	Nguyễn Tất Thuận	DH18CD				6,3	3,0	4,6	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: UĐ tin học trong thiết kế máy (207125) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	18153077	Nguyễn Minh Trí	DH18CD				7,5	3,0	5,3	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
50	18153078	Tô Trung Trục	DH18CD				6,5	2,0	4,3	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
51	17153078	Lê Văn Tuấn	DH17CD				6,0	1,0	8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
52	18153082	Hà Minh Tùng	DH18CD				0,0	2,0	1,0	○ ○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
53	18153083	Phạm Khải Tường	DH18CD				0,0	2,0	1,0	○ ○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
54	18153086	Nguyễn Việt Ý	DH18CD				8,5	4,5	6,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số lượng vắng: 03

Hiện diện: 51

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: UĐ tin học trong thiết kế máy (207125) - 02

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118007	Nguyễn Văn Quốc Bảo	DH18CK	✓						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	18118010	Nguyễn Hoàng Chinh	DH18CK	Ch			8,0	8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	18118011	Nguyễn Trung Chính	DH18CK	Ch			7,0	10,0	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
4	18118018	Nguyễn Võ Công Danh	DH18CK	✓						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	17118016	Trần Khánh Dân	DH17CC	Dân			8,0	9,3	8,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
6	18118023	Nguyễn Tấn Diên	DH18CK	Điên			8,0	8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	18118028	Triệu Quốc Dũng	DH18CK	Đũ			8,0	9,3	8,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
8	18118034	Nguyễn Đức Duy	DH18CK	Duy			4,0	3,0	3,5	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
9	18118035	Thái Hoàng Duy	DH18CK	Đũ			8,0	5,5	6,8	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
10	15153014	Nguyễn Phương Duyệt	DH15CD	Đuyệt			0,0	1,3	0,6	○ ● 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
11	18118040	Bùi Trung Hiếu	DH18CK	H			0,0	2,9	1,5	○ 0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
12	16153027	Hán Tấn Hiếu	DH16CD	H			0,0	9,2	4,6	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
13	18118043	Nguyễn Ngọc Hòa	DH18CK	H			8,0	5,5	6,8	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
14	18153024	Nguyễn Phúc Hòa	DH18CD	H			4,0	8,0	6,0	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	18118044	Tổng An Hoài	DH18CK	H			8,0	9,3	8,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
16	18118045	Lê Quang Huy	DH18CK	H			8,0	10	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: ƯD tin học trong thiết kế máy (207125) - 02

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 50%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118047	Nguyễn Khánh Huy	DH18CK	<i>Huy</i>			8,0	10	9,0	○○○12345678●10	●123456789
18	18118049	Nguyễn Thành Huy	DH18CK	<i>Huy</i>			6,0	5,5	5,8	○○○1234●678910	○1234567●9
19	18118051	Bùi Huynh	DH18CK	<i>Huynh</i>			8,0	10	9,0	○○○12345678●10	●123456789
20	18118055	Lê Minh Khang	DH18CK	<i>Khang</i>			8,0	5,5	6,8	○○○12345●78910	○1234567●9
21	18118060	Trần Bá Khoa	DH18CK	<i>Khoa</i>			8,0	5,5	6,8	○○○12345●78910	○1234567●9
22	18118062	Đặng Minh Khôi	DH18CK	✓						●○12345678910	○123456789
23	18118064	Kiều Minh Trí	DH18CK	<i>Trí</i>			5,0	1,5	3,3	○○○12●45678910	○12●456789
24	16118076	Vũ Hoàng Kim	DH16CK	<i>Kim</i>			8,0	9,3	8,6	○○○1234567●910	○12345●789
25	16154055	Y-Ngưng Knul	DH16OT	✓						●○12345678910	○123456789
26	14118190	Huỳnh Công Lân	DH14CK	<i>Lân</i>			5,0	3,0	4,0	○○○123●5678910	●123456789
27	18118074	Nguyễn Phi Long	DH18CK	<i>Long</i>			6,0	6,8	6,4	○○○12345●78910	○123●56789
28	18118075	Nguyễn Thành Long	DH18CK	<i>Long</i>			7,0	10,0	8,5	○○○1234567●910	○1234●6789
29	18118076	Phạm Văn Long	DH18CK	<i>Long</i>			5,0	1,8	3,4	○○○12●45678910	○123●56789
30	18118068	Lê Quang Lộc	DH18CK	<i>Lộc</i>			8,0	8,0	8,0	○○○1234567●910	●123456789
31	18118081	Tạ Văn Mạnh	DH18CK	<i>Mạnh</i>			6,0	8,0	7,0	○○○123456●8910	●123456789
32	18118082	Nguyễn Đình Minh	DH18CK	<i>Minh</i>			7,0	8,0	7,5	○○○123456●8910	○1234●6789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: **ƯD tin học trong thiết kế máy (207125) - 02**

CBGD: **Nguyễn Thanh Phong (483)**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	16118102	Phạm Nhựt Minh	DH16CK				5,0	5,5	5,3	○○○1234●678910	○12●456789
34	18118084	Vũ Quang Minh	DH18CK				0,0	1,0	0,5	○●12345678910	○1234●6789
35	18118092	Nguyễn Trọng Nguyên	DH18CK				7,0	3,0	5,0	○○1234●678910	●123456789
36	18118098	Nguyễn Trung Nhân	DH18CK				7,0	6,8	6,9	○○12345●78910	○12345678●
37	18154093	Nguyễn Hữu Phát	DH18OT				3,0	9,3	6,1	○○12345●78910	○●23456789
38	18118103	Nguyễn Thuận Phát	DH18CK				7,0	10	8,5	○○1234567●910	○1234●6789
39	18118106	Phùng Minh Phong	DH18CK				7,0	10	8,5	○○1234567●910	○1234●6789
40	18118109	Nguyễn Huỳnh Phúc	DH18CK				8,0	4,3	6,1	○○12345●78910	○●23456789
41	18118110	Vũ Toàn Phước	DH18CK				7,0	10	8,5	○○1234567●910	○1234●6789
42	18118112	Lê Văn Quang	DH18CK				4,0	9,3	6,6	○○12345●78910	○12345●789
43	18118113	Nguyễn Thanh Quang	DH18CK				6,0	8,0	7,0	○○123456●8910	●123456789
44	18118114	Phạm Phúc Quang	DH18CK				7,0	9,3	8,1	○○1234567●910	○●23456789
45	18118111	Nguyễn Đình Quân	DH18CK				6,0	9,3	7,6	○○123456●8910	○12345●789
46	18118115	Quách Ngọc Quý	DH18CK				8,0	8,0	8,0	○○1234567●910	●123456789
47	18154104	Lê Duy Quốc	DH18OT				6,0	10	8,0	○○1234567●910	●123456789
48	17154081	Phạm Trương Hồng Sơn	DH17OT							●○12345678910	○123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Ưd tin học trong thiết kế máy (207125) - 02

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 50%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
49	14137064	Lê Nguyễn Minh Tài	DH14NL	✓						●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
50	18118124	Nguyễn Khắc Tân	DH18CK	Tân			7,0	5,4	6,2	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
51	17154093	Ngân Văn Thành	DH17OT	✓						●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
52	18118135	Nguyễn Chí Thành	DH18CK	✓			8,0	9,3	8,7	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨
53	18118138	Đặng Đoàn Minh Thi	DH18CK	Thi			8,0	5,5	6,8	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨
54	18118140	Nguyễn Ngọc Thiện	DH18CK	Thiện			6,0	4,3	5,1	○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
55	18118142	Nguyễn Quang Thìn	DH18CK	Thìn			8,0	6,8	7,4	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
56	18118144	Trần Phước Thịnh	DH18CK	Th			7,0	9,3	8,1	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
57	18118145	Huỳnh Hữu Thọ	DH18CK	tho			6,0	5,5	5,8	○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨
58	18118148	Đỗ Thành Thu	DH18CK	Thu			8,0	10	9,0	○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
59	18118162	Đỗ Văn Triệu	DH18CK	Tri			6,0	5,0	5,5	○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④●⑥⑦⑧⑨
60	18118167	Phạm Tấn Trung	DH18CK	Trung			7,0	6,8	6,9	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧●
61	18118168	Cao Quang Trường	DH18CK	Tr			8,0	5,4	6,7	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨
62	18118169	Nguyễn Xuân Trường	DH18CK	Trường			8,0	9,2	8,6	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨
63	18118172	Nguyễn Anh Tuấn	DH18CK	Tuân			7,0	9,3	8,1	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
64	18118179	Võ Thanh Tùng	DH18CK	T			7,0	9,3	8,1	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 01006

Trang 5/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: ƯD tin học trong thiết kế máy (207125) - 02

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 50%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
65	18118181	Vũ Ngọc Tuyên	DH18CK				7,0	8,0	7,5	0012345678910	0123456789
66	18118182	Ngô Văn Viết	DH18CK				7,0	10	8,5	0012345678910	0123456789
67	18118184	Tô Đức Vinh	DH18CK				7,0	8,0	7,5	0012345678910	0123456789
68	18118188	Phan Lý Kim Vũ	DH18CK				8,0	9,3	8,6	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 07

Hiện diện: 61

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

Nguyễn Thanh Phong



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: UD tin học trong thiết kế máy (207125) - 03

CBGD: Trương Quang Trường (706)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118192	Lê Tiến Đạt	DH18CKC				6,5	5,0	5,8	0012345678910	0123456789
2	18118195	Trần Nguyễn Trí Đức	DH18CKC				4,5	2,0	3,3	0012345678910	0123456789
3	18118200	Nguyễn Thị Thu Hiền	DH18CKC				8,5	4,0	6,3	0012345678910	0123456789
4	18118202	Trần Văn Hoài	DH18CKC				5,5	9,0	7,3	0012345678910	0123456789
5	18118204	Phạm Đăng Huy	DH18CKC				2,3	1,0	1,6	0012345678910	0123456789
6	18118207	Trịnh Ngọc Lâm	DH18CKC				4,5	7,0	5,8	0012345678910	0123456789
7	18118208	Nguyễn Bá Long	DH18CKC				9,5	2,0	5,8	0012345678910	0123456789
8	18118209	Phạm Bùi Hải	DH18CKC				7,0	2,0	4,5	0012345678910	0123456789
9	18118210	Phạm Trung Long	DH18CKC				6,5	2,0	4,3	0012345678910	0123456789
10	18118212	Nguyễn Xuân Nguyên	DH18CKC				1,5	1,0	1,3	0012345678910	0123456789
11	18118108	Nguyễn Huy Phúc	DH18CKC				4,0	6,0	5,0	0012345678910	0123456789
12	18118214	Nguyễn Hoài Sang	DH18CKC				9,5	4,0	6,8	0012345678910	0123456789
13	18118215	Hoàng Thái Sơn	DH18CKC				4,8	6,0	5,4	0012345678910	0123456789
14	18118217	Nguyễn Trung Tín	DH18CKC				4,8	1,0	2,9	0012345678910	0123456789
15	18118219	Nguyễn Đặng Quỳnh Trâm	DH18CKC				7,3	2,0	4,6	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 00

Hiện diện: 15

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Thanh Phong
Ngày in: 24/12/2020 15:38

Cay Phat

Nguyễn Thanh Phong

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Cơ kỹ thuật ứng dụng (207132) - 01

CBGD: Vương Thành Tiên (324)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17138019	Trần Minh Hiếu	DH17TD			1,0	1,5	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
2	17138021	Nguyễn Đình Hồ	DH17TD			1,0	1,5	4,5	7,0	0012345678910	0123456789
3	17138036	Huỳnh Kim Ninh	DH17TD			1,0	1,5	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
4	17138044	Nguyễn Linh Sang	DH17TD			1,0	1,5	3,5	6,0	0012345678910	0123456789
5	17138046	Trần Trung Tâm	DH17TD			1,0	1,5	4,0	6,5	0012345678910	0123456789
6	17138050	Lê Đức Thịnh	DH17TD			1,0	1,5	3,8	6,3	0012345678910	0123456789
7	15138065	Nguyễn Tấn Thịnh	DH15TD			1,0	1,5	3,0	5,5	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhân của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

(can't stop -
Huy thi: 16/01/2024)

Capitulum WZ
Vg Hans Tien



Mã nhận dạng 04276

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207135)**

Nhóm Thi **DH18CKC_01**

Tổ Thi **001_DH18CKC_01**

Ngày Thi **18/01/2021**

Giờ Thi **14:45**

Số Tin Ch 2

Tên CBGD **Trương Công Tiến**

Phòng Thi **HD305**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118192	Lê Tiến Đạt	DH18CKC			10	8	6	7	0012345678910	0123456789
2	18118195	Trần Nguyễn Trí Đức	DH18CKC			10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
3	18118200	Nguyễn Thị Thu Hiền	DH18CKC			10	9	8,5	8,8	0012345678910	0123456789
4	18118202	Trần Văn Hoài	DH18CKC			10	9	6	7,3	0012345678910	0123456789
5	18118204	Phạm Đăng Huy	DH18CKC			10	9	9,5	9,4	0012345678910	0123456789
6	18118207	Trịnh Ngọc Lâm	DH18CKC			10	8	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
7	18118208	Nguyễn Bá Long	DH18CKC			10	8	10	9,4	0012345678910	0123456789
8	18118209	Phạm Bùi Hải	DH18CKC			10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
9	18118210	Phạm Trung Long	DH18CKC			10	8	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
10	18118212	Nguyễn Xuân Nguyên	DH18CKC			10	8	6	7	0012345678910	0123456789
11	18118108	Nguyễn Huy Phúc	DH18CKC			10	6,5	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
12	18118214	Nguyễn Hoài Sang	DH18CKC			10	8	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
13	18118215	Hoàng Thái Sơn	DH18CKC			10	8	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
14	18118217	Nguyễn Trung Tín	DH18CKC			10	8	6	7	0012345678910	0123456789
15	18118219	Nguyễn Đặng Quỳnh Trâm	DH18CKC			10	8,5	7	7,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04276

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207135)**

Nhóm Thi **DH18CKC_0:** Tổ Thi **001_DH18CKC_01**

Ngày Thi **18/01/2021** Giờ Thi **14:45**

Số Tin Ch 2

Tên CBGD **Trương Công Tiến**

Phòng Thi **HD305**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 15. Số sinh viên vắng 00.

Ngày 1 Tháng 3 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2



Mã nhận dạng 04277

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Công nghệ chế tạo máy(207137)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18CKC_01

Tổ Thi

001_DH18CKC_01

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi 25/01/2021

Giờ Thi

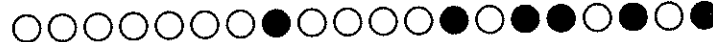
09:45

Phòng Thi

HD305

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118192	Lê Tiến Đạt	DH18CKC					6.0	6.0	0012345678910	0123456789
2	18118195	Trần Nguyễn Trí Đức	DH18CKC					4.0	4.0	0012345678910	0123456789
3	18118200	Nguyễn Thị Thu Hiền	DH18CKC					8.0	8.0	0012345678910	0123456789
4	18118202	Trần Văn Hoài	DH18CKC					5.8	5.8	0012345678910	0123456789
5	18118204	Phạm Đăng Huy	DH18CKC					7.2	7.2	0012345678910	0123456789
6	18118207	Trịnh Ngọc Lâm	DH18CKC					4.6	4.6	0012345678910	0123456789
7	18118208	Nguyễn Bá Long	DH18CKC					5.2	5.2	0012345678910	0123456789
8	18118209	Phạm Bùi Hải Long	DH18CKC					7.2	7.2	0012345678910	0123456789
9	18118210	Phạm Trung Long	DH18CKC					4.4	4.4	0012345678910	0123456789
10	18118212	Nguyễn Xuân Nguyên	DH18CKC					4.0	4.0	0012345678910	0123456789
11	18118108	Nguyễn Huy Phúc	DH18CKC					6.2	6.2	0012345678910	0123456789
12	18118214	Nguyễn Hoài Sang	DH18CKC					6.6	6.6	0012345678910	0123456789
13	18118215	Hoàng Thái Sơn	DH18CKC					5.8	5.8	0012345678910	0123456789
14	18118217	Nguyễn Trung Tín	DH18CKC					4.0	4.0	0012345678910	0123456789
15	18118219	Nguyễn Đặng Quỳnh Trâm	DH18CKC					6.2	6.2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04277

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Công nghệ chế tạo máy(207137) Số Tín Ch 2
Nhóm Thi DH18CKC_01 Tổ Thi 001_DH18CKC_01 Tên CBGD Trương Công Tiến
Ngày Thi 25/01/2021 Giờ Thi 09:45 Phòng Thi HD305

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 12... Số sinh viên vắng 00

Ngày 1 Tháng 3 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Trương Công Tiến


Lê Quang Tiến


TS. Trương Công Tiến


TS. Trương Công Tiến



Mã nhận dạng 01878

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20NL_04**

Tổ Thi **001_DH20NL_04**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **CT102**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 21%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20137063	DƯƠNG LỢI AN	DH20NL							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	20137064	NGUYỄN TẤN AN	DH20NL	An		6.7	4.0	2.0	3.7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	20153054	TRƯƠNG LÊ HOÀI AN	DH20CD	An		8.0	2.0	2.0	3.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	20137066	NGUYỄN LÊ QUỐC BẢO	DH20NL	Bao		4.3	1.0	2.0	2.3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	20153056	TRẦN HUỖNH QUỐC BẢO	DH20CD	B		3.3	2.0	2.5	2.6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	20153057	VƯƠNG TRẦN GIA BẢO	DH20CD	B		8.0	3.0	7.0	6.3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	16137005	Quách Đình Cầm	DH16NL	Cam		6.7	6.0	9.0	7.7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	20137067	NGUYỄN THÀNH CHÍ	DH20NL	Chi		8.3	2.0	1.0	3.1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	20153059	LÊ TRƯỜNG CHINH	DH20CD	Ch		8.0	2.0	2.0	3.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	20153061	MA VĂN DANH	DH20CD	Danh		8.0	2.0	6.0	5.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	20153068	TRƯƠNG QUANG DENNI	DH20CD							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	20153069	NGUYỄN THÀNH DIỆN	DH20CD	Die		8.0	2.0	2.0	3.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	20137070	TRỊNH TẤN DƯ	DH20NL	Du		8.7	6.0	4.0	5.7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	20137068	NGUYỄN VĂN ĐẠI	DH20NL	Đại		3.3	2.0	1.5	2.1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	20153062	VÕ VĂN ĐẠO	DH20CD	Dao		6.7	2.0	1.0	2.7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	20153063	NGUYỄN NHẬT THÀNH ĐẠT	DH20CD	Dat		7.7	2.0	4.5	4.7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 01878

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH20NL_04**

Tổ Thi **001_DH20NL_04**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **CT102**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20137009	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	DH20NL	<i>Đạt</i>		8.0	2.0	4.0	6.5	0012345678910	0123456789
18	20153065	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	DH20CD	<i>Đạt</i>		2.7	2.0	1.0	1.7	0012345678910	0123456789
19	20153067	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	DH20CD	<i>Đạt</i>		6.0	2.0	2.0	3.0	0012345678910	0123456789
20	20137069	LÊ MINH ĐĂNG	DH20NL	<i>Đạt</i>		9.0	4.0	2.0	4.3	0012345678910	0123456789
21	20153060	PHẠM HẢI ĐĂNG	DH20CD	<i>Đạt</i>		8.0	2.0	1.0	3.0	0012345678910	0123456789
22	20137074	LÊ THANH HÀ	DH20NL	<i>Đạt</i>		9.0	4.0	9.0	8.8	0012345678910	0123456789
23	20137075	TRƯƠNG TÂN HẢI	DH20NL	<i>Đạt</i>		5.7	2.0	1.5	2.7	0012345678910	0123456789
24	20137076	HỒ THỊ HỒNG HẠNH	DH20NL	<i>Đạt</i>		8.7	5.0	4.0	5.4	0012345678910	0123456789
25	20137077	PHÙNG VĨ HÀO	DH20NL	<i>Đạt</i>		5.0	3.0	1.5	2.8	0012345678910	0123456789
26	20137078	LÊ QUANG HÀO	DH20NL	<i>Đạt</i>		6.0	2.0	1.0	2.5	0012345678910	0123456789
27	20137014	NGUYỄN NHỰT HIỆP	DH20NL	<i>Đạt</i>		9.0	6.0	9.0	8.3	0012345678910	0123456789
28	20137082	PHẠM MINH HOÀNG	DH20NL	<i>Đạt</i>						0012345678910	0123456789
29	20137084	TRẦN QUANG HUY	DH20NL	<i>Đạt</i>		8.0	2.0	4.0	4.5	0012345678910	0123456789
30	20137024	TRƯƠNG ANH HUYỀN	DH20NL	<i>Đạt</i>		7.7	2.0	2.0	3.4	0012345678910	0123456789
31	20137085	ĐẶNG QUANG KHAI	DH20NL	<i>Đạt</i>		6.0	2.0	1.5	2.8	0012345678910	0123456789
32	20137086	LÊ BẢO KHANG	DH20NL	<i>Đạt</i>		6.7	2.0	1.5	2.9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01878

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20NL_04**

Tổ Thi **001_DH20NL_04**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **CT102**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	20137087	CAO DUY KHÁNH	DH20NL	<i>Khánh</i>		8.0	2.0	3.0	4.0	0012345678910	0123456789
34	20137088	VÕ ĐĂNG KHOA	DH20NL	<i>Khon</i>		8.3	2.0	4.0	4.6	0012345678910	0123456789
35	20137089	LÝ CHÍ KIẾT	DH20NL	<i>Kiệt</i>		6.7	2.0	2.0	3.2	0012345678910	0123456789
36	20137090	NGUYỄN TUẤN KIẾT	DH20NL	<i>Kiệt</i>		8.3	4.0	9.0	7.6	0012345678910	0123456789
37	20137091	PHẠM TUẤN KIẾT	DH20NL	<i>Kiệt</i>		3.3	2.0	1.0	1.8	0012345678910	0123456789
38	20137092	TRẦN HOÀNG KIẾT	DH20NL	<i>Trần</i>		7.7	2.0	3.5	4.2	0012345678910	0123456789
39	20137094	HUỖNH HOÀI LÂM	DH20NL	<i>Huỳnh</i>		6.7	2.0	5.0	4.7	0012345678910	0123456789
40	20137095	NGUYỄN HOÀNG LINH	DH20NL	<i>Nguyễn</i>		7.7	2.0	3.5	4.2	0012345678910	0123456789
41	20137097	BÙI DUY LONG	DH20NL							0012345678910	0123456789
42	20137096	HÀ PHƯỚC LỘC	DH20NL	<i>Hà</i>		3.3	2.0	2.0	2.3	0012345678910	0123456789
43	20137098	TRẦN ĐỨC LƯƠNG	DH20NL	<i>Trần</i>		6.7	3.0	6.0	5.4	0012345678910	0123456789
44	20153053	HOÀNG HOÀI NAM	DH20CD	<i>Hoàng</i>		7.3	2.0	5.0	4.8	0012345678910	0123456789
45	20137099	PHẠM AN NINH	DH20NL	<i>Phạm</i>		8.3	2.0	3.0	4.1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01878

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20NL_04**

Tổ Thi **001_DH20NL_04**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **CT102**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 4 / Số sinh viên vắng 04

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

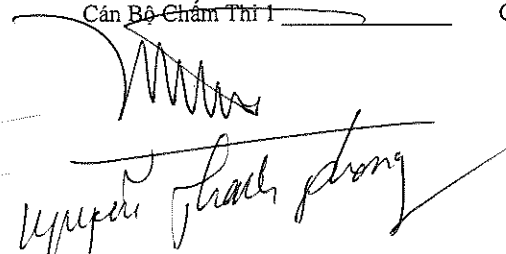
Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Li Quang Tri


Li Van Tuan


Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH


Nguyễn Thanh Phong



Mã nhận dạng 01879

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20NL_04**

Tổ Thi **002_DH20NL_04**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **CT101**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20137100	TRẦN THANH PHÁP	DH20NL			8.3	3.0	4.0	4.8	0012345678910	0123456789
2	20137104	BÙI LÊ VĨNH	DH20NL			8.0	2.0	4.0	4.5	0012345678910	0123456789
3	20137105	NGUYỄN TRỌNG PHÚ	DH20NL			8.3	2.0	4.5	4.8	0012345678910	0123456789
4	20137107	NGÔ HOÀNG PHÚC	DH20NL			8.3	3.0	6.0	5.8	0012345678910	0123456789
5	15115124	Nguyễn Minh Phụng	DH15GB							0012345678910	0123456789
6	20137109	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	DH20NL							0012345678910	0123456789
7	20137039	ĐỖ MINH QUÂN	DH20NL			8.7	3.0	2.5	4.2	0012345678910	0123456789
8	20137110	ĐINH VĂN QUÝ	DH20NL			3.3	3.0	3.0	3.1	0012345678910	0123456789
9	20118242	TRẦN QUANG SANG	DH20CC			8.0	2.0	3.0	4.0	0012345678910	0123456789
10	20137111	TRẦN THANH SANG	DH20NL			7.3	2.0	4.0	4.3	0012345678910	0123456789
11	20118243	ĐỖ ĐỨC TÀI	DH20CK			6.7	2.0	4.0	4.2	0012345678910	0123456789
12	20137112	LÊ VĂN TÀI	DH20NL			3.3	5.0	1.0	2.6	0012345678910	0123456789
13	20118244	NGUYỄN TÂN HOÀNG TÀI	DH20CC							0012345678910	0123456789
14	20118245	TRẦN MINH TÀI	DH20CK			6.0	2.0	3.0	3.5	0012345678910	0123456789
15	20118246	ĐOÀN VĂN TÂM	DH20CC			8.3	5.0	7.0	6.8	0012345678910	0123456789
16	20118247	HUỲNH THANH TÂM	DH20CK			8.0	2.0	2.0	3.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01879

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20NL_04**

Tổ Thi **002_DH20NL_04**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **CT101**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20137113	NGUYỄN TRỌNG TÂM	DH20NL			9.0	4.0	2.0	4.3	0012345678910	0123456789
18	20153031	VŨ ĐÌNH TÂN	DH20CD			2.7	2.0	1.0	1.7	0012345678910	0123456789
19	20137115	ĐẶNG NGUYỄN HOÀNG THÁI	DH20NL			6.7	2.0	7.0	3.7	0012345678910	0123456789
20	20118251	LÊ NGUYỄN VĂN THÁI	DH20CC			6.7	2.0	1.0	2.7	0012345678910	0123456789
21	20137116	NGUYỄN DƯƠNG THÁI	DH20NL			8.7	2.0	1.0	3.2	0012345678910	0123456789
22	20118252	NGUYỄN QUỐC THÁI	DH20CK			7.0	2.0	8.0	6.3	0012345678910	0123456789
23	20137118	BÙI THỊ NHẬT	DH20NL			9.0	4.0	5.0	5.8	0012345678910	0123456789
24	20137119	LƯƠNG VĂN THỊNH	DH20NL			7.7	2.0	1.0	2.9	0012345678910	0123456789
25	20137047	PHẠM NHƯ TÂM	DH20NL			7.0	1.0	2.0	3.0	0012345678910	0123456789
26	20137122	NGÔ THANH TIẾNG	DH20NL			6.7	2.0	2.0	3.2	0012345678910	0123456789
27	20137126	VÕ BẢO TOÀN	DH20NL			2.7	2.0	2.0	2.2	0012345678910	0123456789
28	20137129	NGUYỄN THANH TRANG	DH20NL			6.7	2.0	2.0	3.2	0012345678910	0123456789
29	16137083	Huỳnh Trần Minh	DH16NL			6.7	7.0	2.0	4.4	0012345678910	0123456789
30	20137131	TRẦN QUỐC TRUNG	DH20NL			8.3	4.0	2.0	4.1	0012345678910	0123456789
31	20153040	LŨ TRỌNG TRƯỜNG	DH20CD			8.3	2.0	2.0	3.6	0012345678910	0123456789
32	20137057	LƯƠNG MINH TUẤN	DH20NL			6.0	2.0	2.0	3.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01879

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20NL_04**

Tổ Thi **002_DH20NL_04**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **CT101**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	20137132	BÙI NGỌC ANH TUẤN	DH20NL			8.0	2.0	2.0	3.5	0012345678910	0123456789
34	20153135	NGUYỄN THANH TÙNG	DH20CD							0012345678910	0123456789
35	20137134	LÂM VŨ HUY VĂN	DH20NL			6.0	0.0	2.0	2.5	0012345678910	0123456789
36	20137133	TRIỆU VÂN	DH20NL			9.0	2.0	3.0	4.3	0012345678910	0123456789
37	20137136	NGUYỄN QUỐC VIỆT	DH20NL							0012345678910	0123456789
38	20153044	TRƯƠNG HẢI VIỆT	DH20CD			7.3	2.0	3.5	4.1	0012345678910	0123456789
39	20137137	NGUYỄN LÊ VIN	DH20NL			6.7	4.0	2.0	3.7	0012345678910	0123456789
40	20137061	NGUYỄN MINH VŨ	DH20NL			2.7	2.0	1.0	1.7	0012345678910	0123456789
41	20137138	TRẦN TÂN VỸ	DH20NL			6.0	2.0	1.0	2.5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 26 Số sinh viên vắng 0.5

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 11/12/2020

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH



Mã nhận dạng 01880

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH200T_06**

Tổ Thi **001_DH200T_06**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV101**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20154079	ĐIỀN TUẤN ANH	DH200T			9.3	4.0	2.0	4.3	0012345678910	0123456789
2	20154080	LÊ TUẤN ANH	DH200T			8.7	4.0	8.0	7.2	0012345678910	0123456789
3	20154081	NGUYỄN PHAN NGỌC ANH	DH200T			8.7	5.0	3.0	4.9	0012345678910	0123456789
4	20154082	NGUYỄN PHÚC HOÀNG ANH	DH200T			5.3	2.0	6.0	4.8	0012345678910	0123456789
5	20154005	NGUYỄN TUẤN ANH	DH200T			8.0	4.0	5.5	5.8	0012345678910	0123456789
6	20154006	NGUYỄN XUÂN BÁCH	DH200T			8.7	4.0	2.0	4.2	0012345678910	0123456789
7	20154085	HUỖNH GIA BẢO	DH200T			9.3	8.0	8.0	8.3	0012345678910	0123456789
8	20154086	NGUYỄN TRẦN NHẬT BẢO	DH200T			9.0	6.0	8.0	7.8	0012345678910	0123456789
9	20154087	ABDUL BARI	DH200T			8.7	5.0	1.5	4.2	0012345678910	0123456789
10	20154088	LUU VĂN BÌNH	DH200T			8.0	0.0	2.0	3.0	0012345678910	0123456789
11	20154089	PHẠM THÁI BÌNH	DH200T			8.3	6.0	2.0	4.6	0012345678910	0123456789
12	20154090	VÕ THIÊN CHÍ	DH200T			8.3	3.0	2.5	4.1	0012345678910	0123456789
13	20154009	TRẦN LÊ PHƯỚC CHUNG	DH200T							0012345678910	0123456789
14	20154010	LÊ QUANG CÔNG	DH200T			8.7	4.0	6.0	6.2	0012345678910	0123456789
15	20154091	NGUYỄN QUỐC CÔNG	DH200T			8.3	7.0	8.0	7.8	0012345678910	0123456789
16	20154092	NGUYỄN THÀNH CÔNG	DH200T			4.7	1.0	0.0	1.4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01880

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20OT_06**

Tổ Thi **001_DH20OT_06**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV101**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20154093	HỒ CHÍ CƯỜNG	DH20OT	<i>Cường</i>		9.3	3.0	9.0	7.6	0012345678910	0123456789
18	20154097	NGUYỄN TÂN DANH	DH20OT	<i>Danh</i>		7.7	3.0	1.0	3.2	0012345678910	0123456789
19	20154108	NGUYỄN TRUNG DŨNG	DH20OT	<i>Dũng</i>		8.7	5.0	8.0	7.4	0012345678910	0123456789
20	20154112	HUỖNH KHÁNH DUY	DH20OT	<i>Duy</i>		8.0	7.0	4.0	5.8	0012345678910	0123456789
21	20154113	LÊ HOÀNG ĐỨC	DH20OT	<i>Đức</i>		8.3	3.0	1.0	3.3	0012345678910	0123456789
22	20154114	NGUYỄN THÀNH DUY	DH20OT	<i>Duy</i>		8.3	4.0	1.0	3.6	0012345678910	0123456789
23	20154115	NGUYỄN THÀNH DUY	DH20OT	<i>Duy</i>		8.3	4.0	1.0	3.6	0012345678910	0123456789
24	20154116	TRƯƠNG HOÀI DUY	DH20OT	<i>✓</i>						0012345678910	0123456789
25	20154109	NGUYỄN VĂN DUY	DH20OT	<i>✓</i>						0012345678910	0123456789
26	20154111	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	DH20OT	<i>Dương</i>		9.0	3.0	4.0	5.0	0012345678910	0123456789
27	20154014	QUÁCH DƯƠNG	DH20OT	<i>Dương</i>		9.0	8.0	5.0	6.8	0012345678910	0123456789
28	16118036	Trần Nguyễn Hải Dương	DH16CC	<i>Dương</i>		9.7	7.0	7.0	7.7	0012345678910	0123456789
29	20154100	NGUYỄN TÂN ĐẠT	DH20OT	<i>Đạt</i>		8.7	4.0	6.5	6.4	0012345678910	0123456789
30	20154101	PHẠM ĐÌNH THÀNH ĐẠT	DH20OT	<i>Đạt</i>		9.0	7.0	7.5	7.8	0012345678910	0123456789
31	20154096	LÂM HẢI ĐĂNG	DH20OT	<i>Đăng</i>		8.3	3.0	5.0	5.3	0012345678910	0123456789
32	20154103	DƯƠNG QUỐC ĐÔNG	DH20OT	<i>Đông</i>		9.3	4.0	9.0	7.8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01880

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20OT_06**

Tổ Thi **001_DH20OT_06**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

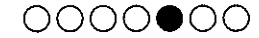
Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV101**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	20154105	NGUYỄN TRỌNG ĐỨC	DH20OT			9.3	4.0	9.0	7.8	0012345678910	0123456789
34	20154106	NGUYỄN VĂN ĐỨC	DH20OT			8.7	5.0	3.5	5.2	0012345678910	0123456789
35	20154117	LÊ TUẤN TRƯỜNG	GIANG			9.0	6.0	5.0	6.3	0012345678910	0123456789
36	20154120	VÕ NGUYỄN THANH NHẢ	DH20OT			8.7	3.0	2.5	4.2	0012345678910	0123456789
37	20154121	TRƯƠNG VĂN HÀO	DH20OT			8.7	4.0	2.0	4.2	0012345678910	0123456789
38	20154122	VŨ ANH	HÀO			8.7	5.0	4.5	5.7	0012345678910	0123456789
39	20154022	HỒ HOÀNG	HÀO			8.7	4.0	3.0	4.7	0012345678910	0123456789
40	20154123	HOÀNG HỒNG	HẬU			8.7	5.0	9.0	7.9	0012345678910	0123456789
41	20154124	PHẠM NGUYỄN QUỐC HẬU	DH20OT			9.7	8.0	7.0	7.9	0012345678910	0123456789
42	20154126	VÕ CÔNG	HIỀN			9.0	4.0	2.0	4.3	0012345678910	0123456789
43	20154127	ĐẶNG TRUNG	HIẾU			8.3	5.0	3.0	4.8	0012345678910	0123456789
44	20154131	HUỲNH VŨ	HOÀI			9.0	6.0	7.0	7.3	0012345678910	0123456789
45	20154132	NGUYỄN THỌ	HOÀNG			7.7	5.0	2.5	4.4	0012345678910	0123456789
46	20154133	NGUYỄN VĂN	HOÀNG			8.0	6.0	6.0	6.5	0012345678910	0123456789
47	20154134	NGUYỄN VŨ HUY	HOÀNG			8.3	4.0	4.5	5.3	0012345678910	0123456789
48	20154136	NGUYỄN THỊ THU	HỒNG			9.7	7.0	9.0	8.7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01880

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20OT_06**

Tổ Thi **001_DH20OT_06**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV101**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	20154137	PHAN QUÝ HÙNG	DH20OT			8.0	4.0	2.0	4.0	0012345678910	0123456789
50	20154140	BÙI THANH HUY	DH20OT			9.3	4.0	2.0	4.3	0012345678910	0123456789
51	20154141	NGUYỄN MINH HUY	DH20OT			8.7	4.0	2.0	4.2	0012345678910	0123456789
52	20154142	NGUYỄN VŨ NHẬT HUY	DH20OT			7.7	4.0	1.0	3.4	0012345678910	0123456789
53	20154024	PHÙNG QUỐC HUY	DH20OT			8.3	4.0	6.0	6.1	0012345678910	0123456789
54	20154144	TRẦN GIA HUY	DH20OT			8.3	4.0	8.0	7.1	0012345678910	0123456789
55	20154138	NGUYỄN MINH HÙNG	DH20OT			8.7	6.0	1.5	4.4	0012345678910	0123456789
56	20154139	TRẦN HỮU HUNG	DH20OT			8.3	3.0	2.5	4.1	0012345678910	0123456789
57	20154145	RƠ Ô KÁ	DH20OT			8.3	4.0	2.0	4.1	0012345678910	0123456789
58	20154146	NGUYỄN QUỐC KHÁI	DH20OT			9.0	4.0	4.0	5.3	0012345678910	0123456789
59	20154147	DƯƠNG TRÍ KHANG	DH20OT			9.3	7.0	6.0	7.1	0012345678910	0123456789
60	20154148	CHÂU QUỐC VIỆT KHÁNH	DH20OT			7.3	3.0	1.0	3.1	0012345678910	0123456789
61	20154149	HOÀNG LÊ MINH KHÁNH	DH20OT			9.0	6.0	5.0	6.3	0012345678910	0123456789
62	20154150	NGUYỄN HOÀNG BẢO KHÁNH	DH20OT			8.3	4.0	2.0	4.1	0012345678910	0123456789
63	20154151	TRẦN MẠC ANH KHOA	DH20OT			9.3	7.0	7.0	7.6	0012345678910	0123456789
64	16118074	Đỗ Minh Khôi	DH16CC			9.7	7.0	9.0	8.7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01880

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20OT_06**

Tổ Thi **001_DH20OT_06**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV101**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	20154152	VÕ NGUYỄN KHÔI	DH20OT			8.5	3.0	5.5	5.6	0012345678910	0123456789
66	20154153	NGUYỄN VĂN KIÊN	DH20OT			9.3	5.0	8.0	7.6	0012345678910	0123456789
67	20154155	MAI THANH LÂM	DH20OT			9.3	4.0	4.0	5.3	0012345678910	0123456789
68	20154157	PHẠM VĂN LÂM	DH20OT			9.3	5.0	2.0	4.6	0012345678910	0123456789
69	20154158	HOÀNG KIM LÂN	DH20OT			9.0	4.0	2.0	4.3	0012345678910	0123456789
70	20154159	NGUYỄN CÔNG LINH	DH20OT			8.7	4.0	3.5	4.9	0012345678910	0123456789
71	20154160	TRẦN NGỌC LINH	DH20OT			9.3	5.0	2.0	4.6	0012345678910	0123456789
72	20154163	NGUYỄN NGỌC THÀNH LUÂN	DH20OT			8.7	4.0	1.0	3.7	0012345678910	0123456789
73	20154164	NGUYỄN CÔNG LÝ	DH20OT			8.0	4.0	5.0	5.5	0012345678910	0123456789
74	20154165	NGUYỄN TIẾN MẠNH	DH20OT			9.0	6.0	8.0	7.8	0012345678910	0123456789
75	20154166	NGUYỄN VĂN MINH	DH20OT			8.3	5.0	1.5	4.1	0012345678910	0123456789
76	20154168	ĐÀU PHƯƠNG NAM	DH20OT			8.3	5.0	1.5	4.1	0012345678910	0123456789
77	20154169	NGUYỄN THÀNH NAM	DH20OT			7.7	5.0	3.0	4.7	0012345678910	0123456789
78	20154170	TRẦN THANH NAM	DH20OT			8.7	4.0	3.0	4.7	0012345678910	0123456789
79	20154049	PHẠM NGỌC DIỄM QUỲNH	DH20OT			9.7	7.0	7.0	7.7	0012345678910	0123456789
80	20154055	HUỲNH THANH TÂM	DH20OT			8.7	4.0	7.5	6.9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01880

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ
Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)** Số Tín Ch **3**
Nhóm Thi **DH200T_06** Tổ Thi **001_DH200T_06** Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**
Ngày Thi **13/01/2021** Giờ Thi **12:15** Phòng Thi **TV101** Trang 6

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
81	20154062	HUỖNH MINH THÔNG	DH200T			9.7	7.0	8.0	8.2	001234567●910	01●3456789
82	20154075	NGUYỄN TUẤN VŨ	DH200T			8.7	5.0	4.0	5.4	001234●678910	0123●56789

Số sinh viên dự thi **79** Số sinh viên vắng **3**

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1 Phan Minh Hien
Cán bộ coi thi 2 Nguyễn Văn Tuấn Anh
Xác nhận của Bộ môn/Khoa Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH
Cán Bộ Chấm Thi 1 Nguyễn Thanh Phong
Cán Bộ Chấm Thi 2 _____



Mã nhận dạng 01883

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ
Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH18CD_01**

Tổ Thi **001_DH18CD_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Phương Thảo**

Ngày Thi **22/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV101**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16153002	Vũ Phan Anh	DH16CD	Anh		6,0	3,0	5,0	4,9	0012345678910	0123456789
2	18153003	Đình Quốc Bảo	DH18CD	Bao		8,0	4,0	5,5	6,0	0012345678910	0123456789
3	18153004	Nguyễn Ngọc Bảo	DH18CD	Bao		10	8,5	4,5	7,0	0012345678910	0123456789
4	18153005	Phan Chí Bảo	DH18CD	Bao		7,0	6,0	3,0	4,8	0012345678910	0123456789
5	17118010	Trương Minh Bảo	DH17CK	Sao		10	8,5	6,5	8,0	0012345678910	0123456789
6	18118010	Nguyễn Hoàng Chinh	DH18CK	ch		6,0	5,5	6,5	6,2	0012345678910	0123456789
7	18118035	Thái Hoàng Duy	DH18CK	Thai		7,5	5,0	3,5	5,0	0012345678910	0123456789
8	15153014	Nguyễn Phương Duyệt	DH15CD	Duyet		11,5	0,0	3,0	2,0	0012345678910	0123456789
9	18153015	Đỗ Trùng Dương	DH18CD	Do		10	8,0	4,5	6,9	0012345678910	0123456789
10	17118025	Nguyễn Mậu Dương	DH17CK	Mau		2,5	5,0	2,5	3,0	0012345678910	0123456789
11	18153016	Nguyễn Thái Dương	DH18CD	Thai		8,0	4,0	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
12	18118021	Nguyễn Tiên Đạt	DH18CC	Dat		3,0	0,0	5,5	3,8	0012345678910	0123456789
13	18153012	Trần Tấn Đạt	DH18CD	Tan		10	9,5	5,0	7,4	0012345678910	0123456789
14	16118029	Văn Phú Đạt	DH16CK	Phu		6,0	3,5	3,5	4,3	0012345678910	0123456789
15	19154028	Nguyễn Văn Đức	DH19OT	De		6,0	5,5	3,5	4,8	0012345678910	0123456789
16	17118031	Trần Thanh Giang	DH17CK	Thanh		4,0	4,0	2,5	3,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01883

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CD_01**

Tổ Thi **001_DH18CD_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Phương Thảo**

Ngày Thi **22/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV101**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17153200	Phạm Văn Hạnh	DH17CD			10	7	5,5	7,2	0012345678910	0123456789
18	16118049	Nguyễn Văn Hào	DH16CK			7,0	5,5	2,5	4,5	0012345678910	0123456789
19	18153024	Nguyễn Phúc Hòa	DH18CD			0,0	5,5	2,5	2,4	0012345678910	0123456789
20	18153026	Đoàn Ngọc Hoàng	DH18CD			8,0	6,0	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
21	19118076	Nguyễn Việt Hoàng	DH19CK			7,5	5,0	3,0	4,8	0012345678910	0123456789
22	18153029	Trương Vĩnh Huy	DH18CD			7,5	3,5	3,0	4,5	0012345678910	0123456789
23	17118047	Nguyễn Hữu Khang	DH17CK			6,0	8,0	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
24	18153033	Nguyễn Viết Vĩnh Khang	DH18CD							0012345678910	0123456789
25	18153035	Vũ Chúc Khiêm	DH18CD							0012345678910	0123456789
26	18153037	Nguyễn Minh Khôi	DH18CD							0012345678910	0123456789
27	18118064	Kiều Minh Trí	DH18CK			10	5,5	2,0	2,4	0012345678910	0123456789
28	16118076	Vũ Hoàng Kim	DH16CK			10	9,5	4,0	6,9	0012345678910	0123456789
29	18153038	Lê Trọng Lâm	DH18CD			10	8,5	5,5	7,5	0012345678910	0123456789
30	18153039	Trần Cao Linh	DH18CD			3,5	4,0	2,5	3,1	0012345678910	0123456789
31	18153042	Lưu Hoàng Long	DH18CD			3,5	4,0	3,0	3,4	0012345678910	0123456789
32	18153043	Nguyễn Thành Long	DH18CD			7,5	2,0	5,0	5,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01883

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CD_01**

Tổ Thi **001_DH18CD_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Phương Thảo**

Ngày Thi **22/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV101**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118068	Lê Quang	Lộc	DH18CK		10	8,0	4,0	6,6	0012345678910	0123456789
34	19118140	Nguyễn Hoàng	Mạnh	DH19CC		7,5	5,0	3,0	4,8	0012345678910	0123456789
35	18118081	Tạ Văn	Mạnh	DH18CK		8,0	7,0	3,5	5,6	0012345678910	0123456789
36	18118084	Vũ Quang	Minh	DH18CK						0012345678910	0123456789
37	17153045	Nguyễn Thanh	Nam	DH17CD		2,5	5,0	1,0	2,3	0012345678910	0123456789
38	19154099	Nguyễn Trọng	Nghĩa	DH19OT		7,5	2,0	3,5	4,4	0012345678910	0123456789
39	18153051	Trần Minh	Nhật	DH18CD		10	8,0	5,0	7,1	0012345678910	0123456789
40	14118048	Bùi Hoàng	Phong	DH14CC		6,0	5,0	2,5	4,4	0012345678910	0123456789
41	17118080	Diệp Thanh	Phúc	DH17CK		6,0	4,5	3,5	4,5	0012345678910	0123456789
42	18118109	Nguyễn Huỳnh	Phúc	DH18CK		7,5	6,5	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
43	18153054	Nguyễn Tấn	Phúc	DH18CD		7,0	5,5	6,0	6,2	0012345678910	0123456789
44	18153056	Nguyễn Đăng	Quang	DH18CD		7,5	5,0	4,0	5,3	0012345678910	0123456789
45	18153058	Trần Minh	Quang	DH18CD		7,5	4,5	5,0	5,8	0012345678910	0123456789
46	18153059	Vũ Thế	Quang	DH18CD		5,0	5,0	2,0	3,5	0012345678910	0123456789
47	19118186	Nguyễn Ngọc	Quân	DH19CC		7,5	2,5	2,0	3,8	0012345678910	0123456789
48	19154127	Nguyễn Văn	Quý	DH19OT		7,5	3,5	3,0	4,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01883

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH18CD_01**

Tổ Thi **001_DH18CD_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Phương Thảo**

Ngày Thi **22/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV101**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18153062	Nguyễn Ngọc Quỳnh	DH18CD			0,0	4,0	1,5	1,6	00002345678910	0123456789
50	16118130	Bùi Thanh Sang	DH16CK			7,0	3,0	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
51	17153060	Đoàn Hữu Tài	DH17CD			6,0	6,0	4,0	5,0	0012345678910	0123456789
52	17153064	Kiều Văn Tấn	DH17CD			6,0	6,0	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
53	18153065	Lương Viết Tây	DH18CD							0012345678910	0123456789
54	19118214	Lê Ngọc Thanh	DH19CK			7,0	5,5	4,0	5,2	0012345678910	0123456789
55	19153073	Nguyễn Tuấn Thanh	DH19CD			6,0	3,0	3,5	4,2	0012345678910	0123456789
56	17153066	Đào Minh Thành	DH17CD			5,0	8,0	4,0	5,1	0012345678910	0123456789
57	19153075	Nguyễn Tấn Thành	DH19CD			7,0	4,5	2,5	4,3	0012345678910	0123456789
58	19153079	Hoàng Thông	DH19CD			7,0	4,0	2,5	4,2	0012345678910	0123456789
59	19154159	Nguyễn Thanh Thông	DH19OT			2,0	6,0	3,5	3,6	0012345678910	0123456789
60	19154161	Lâm Gia Thuận	DH19OT			1,0	3,0	2,0	1,9	0012345678910	0123456789
61	18153073	Nguyễn Tấn Thuận	DH18CD			8,0	6,0	5,0	6,1	0012345678910	0123456789
62	19154162	Son Minh Thuận	DH19OT							0012345678910	0123456789
63	18118151	Bùi Minh Tiến	DH18CK			0,0	3,0	1,5	1,4	0012345678910	0123456789
64	17153073	Nguyễn Minh Toàn	DH17CD			7,5	5,0	3,0	4,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01883

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CD_01**

Tổ Thi **001_DH18CD_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Phương Thảo**

Ngày Thi **22/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV101**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	17153072	Nguyễn Hoàng	Toán	DH17CD		3,5	4,5	5,5	4,8	0012345678910	0123456789
66	18153077	Nguyễn Minh	Trí	DH18CD		7,5	4,5	7,5	5,9	0012345678910	0123456789
67	18118162	Đỗ Văn	Triệu	DH18CK		2,5	2,0	4,5	3,4	0012345678910	0123456789
68	17153077	Phan Bảo	Trọng	DH17CD		5,0	4,0	3,5	4,1	0012345678910	0123456789
69	17118125	Ngô Tùng	Trung	DH17CK		7,0	5,5	3,5	6,0	0012345678910	0123456789
70	18153078	Tô Trung	Trực	DH18CD		7,0	3,0	1,5	3,5	0012345678910	0123456789
71	18153082	Hà Minh	Tùng	DH18CD		6,0	2,5	2,5	3,6	0012345678910	0123456789
72	19154192	Dương Thế	Vinh	DH19OT		2,0	4,5	3,5	3,3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 11/12/2020

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH



Mã nhận dạng 01884

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18NL_02**

Tổ Thi **001_DH18NL_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

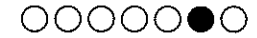
Ngày Thi **22/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV202**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118001	Đoàn Nhật An	DH17CC			4,0	4,5	4,0	4,1	0012345678910	023456789
2	18153002	Trương Quốc Anh	DH18CD			8,0	8,5	3,5	5,9	0012345678910	0123456789
3	18118007	Nguyễn Văn Quốc Bảo	DH18CK							0012345678910	0123456789
4	17118011	Nguyễn Hữu Huy Bình	DH17CC							0012345678910	0123456789
5	18118018	Nguyễn Võ Công Danh	DH18CK							0012345678910	0123456789
6	17118027	Nguyễn Anh Duy	DH17CC			7,0	6,0	4,5	5,6	0012345678910	0123456789
7	18153010	Đặng Hải Đăng	DH18CD			9,0	8,5	5,0	6,9	0012345678910	0123456789
8	19118088	Hà Quang Huy	DH19CK							0012345678910	0123456789
9	17118045	Nguyễn Phát Huy	DH17CC			8,0	7,0	2,5	5,1	0012345678910	023456789
10	18118049	Nguyễn Thành Huy	DH18CK			7,0	5,0	2,0	4,1	0012345678910	023456789
11	19137028	Sầm Khắc Huy	DH19NL			7,5	5,0	2,5	4,5	0012345678910	0123456789
12	19154061	Trần Quang Huy	DH19OT			7,5	7,0	2,5	4,9	0012345678910	0123456789
13	19154063	Trịnh Nhật Huy	DH19OT							0012345678910	0123456789
14	18118055	Lê Minh Khang	DH18CK			8,5	5,5	1,0	4,2	0012345678910	013456789
15	19154072	Hồ Trường Quốc Khánh	DH19OT			4,0	6,0	5,5	5,2	0012345678910	013456789
16	19154073	Nguyễn Duy Khánh	DH19OT			9,0	8,0	5,5	7,1	0012345678910	023456789



Mã nhận dạng 01884

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18NL_02**

Tổ Thi **001_DH18NL_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

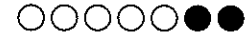
Ngày Thi **22/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV202**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154075	Nguyễn Hoàng Đăng Khoa	DH19OT	✓						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	19154084	Ngô Minh Lê	DH19OT	✓						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	18118074	Nguyễn Phi Long	DH18CK	Long		7,5	4,0	3,0	4,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	14153029	Hàng Lục	DH14CD	✓						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	17118062	Phạm Văn Nam	DH17CK	Phạm Văn Nam		5,0	6,5	3,0	4,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	19154108	Trương Minh Nhật	DH19OT	Trương Minh Nhật		5,0	4,0	2,5	3,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	19118168	Thân Văn Nhó	DH19CK	Thân Văn Nhó		7,5	4,5	2,5	4,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	17118074	Trần Long Nhựt	DH17CC	Trần Long Nhựt		2,5	4,5	3,5	3,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	17118075	Thạch Dương Phát	DH17CC	Thạch Dương Phát		1,0	9,5	5,0	7,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	17118077	Bùi Thanh Phong	DH17CC	Bùi Thanh Phong		9,0	8,0	3,0	5,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	19118183	Phạm Công Phương	DH19CK	Phạm Công Phương		7,5	5,5	3,5	5,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	19118184	Phạm Minh Phương	DH19CK	Phạm Minh Phương		8,0	5,5	6,5	6,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	18118111	Nguyễn Đình Quân	DH18CK	Nguyễn Đình Quân		8,0	5,5	2,0	4,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	17118089	Phạm Bùi Tấn Sang	DH17CC	Phạm Bùi Tấn Sang		7,5	3,0	1,0	3,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	19118198	Nguyễn Trường Sơn	DH19CK	Nguyễn Trường Sơn		7,0	2,0	4,5	4,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	19118201	Nguyễn Tuấn Tài	DH19CC	✓						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 01884

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18NL_02**

Tổ Thi **001_DH18NL_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **22/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV202**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17118099	Đỗ Đại Thạch	DH17CC			10	9,5	7,5	8,7	0012345678910	0123456789
34	19154147	Lê Văn Thành	DH19OT							0012345678910	0123456789
35	19118209	Nguyễn Thanh Thắng	DH19CC			8,0	4,0	3,5	5,0	0012345678910	0123456789
36	19118212	Trần Quốc Thắng	DH19CK			7,5	6,0	3,0	5,0	0012345678910	0123456789
37	19118222	Nguyễn Trần Xuân Thiên	DH19CK							0012345678910	0123456789
38	18118140	Nguyễn Ngọc Thiện	DH18CK			7,5	2,5	2,0	3,8	0012345678910	0123456789
39	17118107	Bá Duy Thịnh	DH17CK			8,0	7,0	2,5	5,1	0012345678910	0123456789
40	18118144	Trần Phước Thịnh	DH18CK			8,0	6,0	5,0	6,1	0012345678910	0123456789
41	17118113	Huỳnh Hữu Thức	DH17CC							0012345678910	0123456789
42	19154170	Hoàng Ngọc Tinh	DH19OT			7,5	3,0	2,5	4,1	0012345678910	0123456789
43	15118114	Lê Đức Trí	DH15CK			2,5	4,0	3,5	3,3	0012345678910	0123456789
44	17118123	Huỳnh Hữu Trọng	DH17CC			6,0	5,5	2,5	4,2	0012345678910	0123456789
45	17118126	Nguyễn Thành Trung	DH17CC			6,0	4,0	1,0	3,1	0012345678910	0123456789
46	14118294	Nguyễn Phi Trường	DH14CK			8,0	4,5	2,0	4,3	0012345678910	0123456789
47	18118175	Nguyễn Văn Minh Tuấn	DH18CK							0012345678910	0123456789
48	17118135	Đàng Năng San U	DH17CC			7,0	4,0	2,5	4,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01884

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18NL_02**

Tổ Thi **001_DH18NL_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **22/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV202**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19154190	Phạm Trương Quốc	Việt	DH19OT		8,0	4,5	3,0	4,8	0012345678910	0123456789
50	19154191	Trương Quốc	Việt	DH19OT		8,0	5,5	4,0	5,5	0012345678910	0123456789
51	19154195	Nguyễn Ngọc	Vinh	DH19OT		8,0	5,0	6,0	6,4	0012345678910	0123456789
52	16118178	Phan Hoàng	Vũ	DH16CC		5,0	5,0	3,0	4,0	0012345678910	0123456789
53	19154196	Thạch Thanh	Vũ	DH19OT		8,0	6,5	6,0	6,8	0012345678910	0123456789
54	17118145	Trần Văn Thanh	Xuân	DH17CC		2,5	2,0	2,5	2,4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 4/4 Số sinh viên vắng 0/0

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thanh Phong

N.V. Kiệp

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

Nguyễn Thanh Phong

Ngày in : 11/12/2020